**TUẦN 12**

**Thứ hai, ngày 25 tháng 11 năm 2024**

## Tiết 1: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: CHÀO MỪNG NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực.**

- Nghe đánh giá, nhận xét tuần qua và phương hướng tuần tới; nhận biết những ưu điểm cần phát huy và nhược điểm cần khắc phục.

- HS tự tin tham gia biểu diễn văn nghệ trước toàn trường.

- HS thể hiện được lòng kính trọng, biết ơn thầy cô giáo nhân ngày Nhà giáo Việt Nam.

**2. Phẩm chất:**

**-** Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: **-** Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

- Giấy, bút, bút màu,...

HS: Bức thư tham gia cuộc thi Viết thư cho tương lai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh bước vào các hoạt động chào cờ.  - GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ.  **2. Chào cờ:**  - HS tập trung trên sân cùng HS toàn trường.  - Thực hiện nghi lễ chào cờ.  - GV trực ban tuần lên nhận xét thi đua.  - Đại diện BGH nhận xét bổ sung và triển khai các công việc tuần mới.  **3. Sinh hoạt dưới cờ:**  - Nhà trường tổ chức buổi lễ Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11. Các nội dung chính như sau:    + Giới thiệu về nguồn gốc và ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11.  + Tổ chức cho các lớp hoặc đại diện các khối lớp biểu diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11. Các tiết mục đa dạng về hình thức: hát, múa, đóng tiểu phẩm,...  + Tổ chức cho đại diện HS phát biểu lời tri ân gửi đến thầy cô giáo. | - HS chào cờ.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tham gia các hoạt động.  - HS lắng nghe và tham gia buổi lễ.  - HS lắng nghe và vỗ tay.  - HS biểu diễn văn nghệ.  - HS phát biểu lời tri ân gửi đến thầy cô giáo.. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2,4: TIẾNG VIỆT

**BÀI ĐỌC 1: NGƯỜI CÔ CỦA BÉ HƯƠNG** (2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ đọc, viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 80 - 85 tiếng/phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu học kì 1

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Đề cao tình cô cháu họ hàng.

**2. Năng lực văn học**

- Phát hiện được một số chi tiết cho thấy Hương là một cô bé rất tình cảm, rất nhạy cảm với những điều tốt đẹp bình dị trong cuộc sống, biết chia sẻ suy nghĩ của bản thân với mọi người.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có tình cảm gắn bó thương yêu những người thân yêu trong gia đình, họ hàng.

- Phẩm chất chăm chỉ: Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân.

- Phẩm chất trung thực: Thật thà ngay thẳng trong học tập, mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với người thân trong gia đình, họ hàng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, bảng phụ, bài giảng Powerpoint, micro(trò chơi phóng viên)

- HS: SGK, vở ghi TV, VBT, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | |
| **- Cả lớp** hát bài hát “ Gia đình nhỏ, hạnh phúc to”  + Gia đình nhà bạn nhỏ như thế nào?  + Bài hát nói về điều gì?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV cho HS quan sát hình ảnh hình ảnh SGK để dẫn dắt vào bài mới. | - HS hát theo video.  + HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát.  - HS lắng nghe. |
| - GV mời 1 HS đọc to, rõ yêu cầu của BT1 (Chia sẻ) | - 1 HS đọc – cả lớp theo dõi lắng nghe. |
| - GV yêu cầu HS tìm hiểu nội dung các vế ở câu bên A và bên B, lựa chọn và ghép một vế câu ở bên A với một câu thích hợp ở bên B để tạo thành một câu hoàn chỉnh.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ. | - HS tìm hiểu cá nhân – làm việc nhóm đôi để hoàn thành các câu |
| - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả | - HS báo cáo  + a – 3  + b – 1  + c - 2 |
| - GV mời HS nhận xét – bổ sung. | - HS nhận xét – bổ sung |
| - GV nhận xét, mời HS giải thích một số từ ngữ khó trong các câu (máu đào, tổ, tông, cội, nguồn,…)  . | - HS giải thích từ  - Giọt máu đào:  được dùng để chỉ những người có quan hệ huyết thống với nhau, những người trong cùng một gia đình, một tổ tiên.  Tổ: người cao nhất trong một dòng họ hoặc một tôn phái.  Tông: người thứ hai kế ông tổ.  Cội: tức là xa xăm, dài lâu.  Nguồn: tức là nơi bắt đầu. Từ đó chúng ta có thể hiểu rằng cội nguồn chỉnh là nơi khởi đầu, nơi cuối cùng chúng ta có thể đi về sau tất cả |
| - ? Theo em, những câu này nói lên điều gì? | - HS suy nghĩ phát biểu theo ý cá nhân |
| - GV tổ chức cho hs tìm hiểu ý nghĩa của 3 câu tục ngữ | - Làm việc theo nhóm đôi |
| - GV mời một số nhóm trình bày. | - HS trình bày. |
| - GV mời HSNX – bổ sung | - HSNX – bổ sung |
| - GVNX – kết luận  + Một giọt máu đào hơn ao nước lã: Những người có quan hệ huyết thống (gia đình, họ hàng) thì thân thiết, gắn bó hơn những người xa lạ.  + Nhiễu điều phủ lấy giá gương / Người trong một nước phải thương nhau cùng: Những người cùng sống trong một nước cần đoàn kết, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.  + Con người có tổ có tông / Như cây có cội, như sông có nguồn: Con cháu cần phải ghi nhớ và biết ơn công lao của tổ tiên, ông bà, dòng họ đã sinh ra mình, nuôi dưỡng mình trưởng thành. | - HS lắng nghe |
| - GV mời 6 HS đọc nối tiếp to, rõ yêu cầu của BT2 (Chia sẻ) | - HS theo dõi, lắng nghe |
| - GV giải thích nghĩa từ ngữ khó trong các câu:  + Bình chân như vại:  dùng để chỉ những người bình thản, không lo lắng gì.  + “một”,”chín”: mang ý nghĩa nhấn mạnh vai trò của sự nhẫn nhịn trong cán cân "một", "chín". Tức là chỉ việc nhẫn "một"- ít ỏi mà ta được đến "chín"- nhiều hơn rất nhiều điều an lành. |  |
| - GV mời HS hiểu ý nghĩa của câu nói. | - HS nêu |
| - GV giải thích những câu chưa được giải nghĩa. | - HS lắng nghe – suy nghĩ |
| - GV tổ chức cho hs tìm hiểu về cách ứng xử thể hiện qua các câu nói về hàng xóm, láng giềng, nêu lên ý kiến cá nhân. | - HS làm việc cá nhân – chia sẻ trong nhóm 4: Tán thành hoặc không tán thành, giải thích lí do vì sao? |
| - GV gọi HS báo cáo | - HS đại diện báo cáo  \* Dự kiến:  - Tán thành các câu a,b,d,g vì thể hiện những cách ứng xử tốt: hàng xóm láng giềng đoàn kết quan tâm giúp đỡ lẫn nhau nhường nhịn chia sẻ với nhau Không tán thành các câu c, e vì thể hiện những cách ứng xử không tốt: hàng xóm láng giềng không quan tâm giúp đỡ nhau. |
| - GV nhận xét, tuyên dương |  |
| - Giới thiệu bài:  + Trong bức tranh có những nhân vật nào? Theo em những nhân vật đó là ai? | - Học sinh quan sát tranh trao đổi theo suy nghĩ cá nhân. |
| GV: Trong bức tranh các em thấy một bạn gái đang ngồi viết thư. Theo em bạn ấy viết thư cho ai? Bạn ấy viết những gì trong thư? Để biết bạn ấy đã làm gì thi cô cùng các em hãy đọc bài người cô của bé Hương để biết được nội dung câu chuyện nhé. | - HS lắng nghe |
| - GV mời HS nhắc lại tựa bài – ghi tựa bài  **2. Khám phá** | - HS nhắc nối tiếp (đến khi GV viết xong tựa) – ghi tựa bài vào vở TV |
| \* **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - GV đọc mẫu toàn bài: Giọng thong thả, rõ ràng, diễn cảm. Nhấn giọng, gây ứng tượng ở những từ ngữ thể hiện đặc điểm, tâm trạng, cảm xúc: chợt nhớ tới, tài giỏi, nhất trên đời, giỏi lắm, lúng túng, dày cộm cảm động, bé tí xíu, to tướng,…  - HD chung cách đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: 3 đoạn  +Đoạn 1: Từ đầu ... cô tớ bận.  +Đoạn 2: Tiếp đến .... gửi đi đâu.  +Đoạn 3: Phần còn lại. | - HS lắng nghe kết hợp theo dõi trong SGK.  - HS lắng nghe cách đọc.  - Theo dõi |
| - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp luyện đọc từ khó. | - HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó (Chẳng hạn: bệnh viện, lúng túng, dày cộp, …) |
| - Luyện đọc theo đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 3.  - GV nhận xét các nhóm. | - HS luyện đọc theo nhóm 3 (CN-N).  - 2 nhóm thi đọc trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc. |
| - Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK (lúng túng, dày cộp, tí xíu) | - Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ khác (nếu có). VD:  + tàu thủy: là một công trình kỹ thuật nổi, có thể chuyển dịch trên mặt nước, hay ngầm dưới nước, theo hướng đã định, với tốc độ cần thiết, và chuyên chở hàng hóa hay hành khách tùy theo đặc tính sử dụng của con tàu.  + to tướng: Rất to, hơn hẳn mức bình thường. |
| - Gọi 1 HS năng khiếu đọc toàn bài. | - Lớp theo dõi, đọc thầm. |
| **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 5 câu hỏi trong SGK. | - 5 HS đọc tiếp nối 5 câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo. |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. Tổ chức cho HS hoạt động :  \*GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  - Xong, GV mời LPHT lên điều hành các bạn trình bày, báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi động viên HS các nhóm và bổ sung (nếu có). | - Theo dõi  **Dự kiến:** |
| Câu 1: Các bạn của Hương khoe về họ hàng như thế nào? | Bạn Tâm khỏe có một người anh họ lái máy bay rất giỏi, khi bay qua nhà Tâm thì ném cho Tâm. loan thì khỏe có một người chú lái tàu thủy mang về cho bạn ấy rất nhiều vỏ ốc đẹp. |
| Câu 2: Vì sao Hương lúng túng khi các bạn hỏi về cô Thu?(HS chọn đáp án A, B, C)   1. Vì ….. 2. Vì lâu lắm rồi Hương không liên lạc với cô. 3. Vì Hương đã không nói đúng sự thật. | Đáp án B: Vì lâu lắm rồi Hương không liên lạc với cô. |
| Câu 3: Sau lần chuyện trò với các bạn Hương đã làm gì?( Phỏng vấn) | Sau lần chuyền trò với các bạn, Hương đã viết thư cho cô Thu nhưng không gửi đi. Vì không biết địa chỉ của cô. |
| Câu 4: Khi cô Thu nhận được những lá thư của Hương cô cảm thấy thế nào? vì sao cô cảm thấy như thế?(Phỏng vấn) | Khi cô Thu nhận được những lá thư của Hương cô cảm thấy rất vui và cảm động, vì cô không ngờ hư không gặp cô từ ngày còn rất nhỏ mà vẫn nhớ đến cô nghĩ cho cô bao điều tốt đẹp. |
| Câu 5: Tưởng tượng em là Hương trong câu chuyện trên em sẽ nói gì với các bạn khi nhận được thư của cô Thu?(Suy nghĩ viết câu trả lời vào VBT – báo cáo) | Học sinh nói theo suy nghĩ của mình: VD: “Các bạn ơi, cô Thu gửi thư cho tớ đấy! Tớ rất vui!”. |
| - GV hỏi thêm: Qua bài đọc em hiểu gì về quan hệ giữa những người họ hàng? | - HS suy nghĩ, trả lời |
| - GV nhận xét, chốt lại: Giữa những người có quan hệ họ hàng với nhau thường có tình cảm kết nối bền chặt, vì họ cùng chung tổ tiên. Mỗi người chúng ta nên quan tâm tới họ hàng, dành tình yêu thương, chia sẻ với họ. Khi cả dòng họ đoàn kết, thương yêu nhau thì những người trong dòng họ cũng được bình an hạnh phúc. | - Lắng nghe |
| **3. Luyện tập: Luyện đọc nâng cao** | |
| - Đấy là **người cô /** mà bé Hương **chợt nhớ tới /** trong một lần chuyện trò với các bạn.//  - Cô **không ngờ** cái con bé Hương, / khi theo bố mẹ vào Sài Gòn còn **bé tí xíu, /** thế mà bây giờ đã **viết thư** cho cô, / nhớ đến cô, / nghĩ cho cô **bao điều tốt đẹp.//**  - Cô liền **viết một lá thư** cho bé Hương, / **kể** công việc của cô cho Hương nghe / và **hứa** sẽ vào t**hăm** Hương / trong kỳ nghỉ tết tới.// | |
| - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm bàn.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS luyện đọc đọc theo nhóm bàn.  - Thi đọc diễn cảm trước lớp.  Nhận xét bạn đọc và bình chọn bạn đọc tốt nhất. |
| **4. Vận dụng** | |
| + Qua bài đọc, em học tập điều gì? Em đã làm được những gì? | - HS nối tiếp chia sẻ. |
| - Nhận xét, tuyên dương | - HS nhận xét – tuyên dương. |
| \*Chốt (GDHS): Biết bồi dưỡng tình cảm gắn bó, sẻ chia trong gia đình, dòng họ. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.  - Chuẩn bị bài sau: Kỉ niệm xưa. | - Lắng nghe thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Buổi chiều:**

Tiết 2: TIẾNG VIỆT

**BÀI VIẾT 1: TRẢ BÀI TẢ CÂY CỐI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ:**

- Dựa vào nhận xét và hướng dẫn của GV, nhận biết được ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của bản thân, tự sửa được các lỗi về cấu tạo và nội dung của bài văn, lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- Biết phát hiện lỗi và sửa lỗi trong bài làm, vận dụng điều đã học để viết lại đoạn văn hay hơn.

**2. Năng lực văn học**

- Biết thể hiện lại một số ý trong bài văn để có những câu văn sinh động, gợi cảm hơn.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

**-** Chăm chỉ: Tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có ý thức sửa lại bài hay hơn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bảng phụ, video bài hát, ti vi

- HS: Sách, bút, vở,..

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động** |  |
| **-** Cho lớp hát bài “Cái cây xanh xanh”  - Giới thiệu bài.  **a. Nhận xét chung:**  - GV nhận xét chung về bài viết của cả lớp.  + Ưu điểm:  + Tồn tại  **b. Hướng dẫn HS chữa bài:**  - GV phát bài cho HS.  - Hướng dẫn chữa lỗi chung.  + Lỗi về cấu tạo:...............................  + Lỗi về nội dung: ...........................  + Lỗi chính tả, dùng từ, lỗi câu ( GV đưa từng loại lỗi lên bảng) hướng dẫn HS sửa lỗi.  - GV nhận xét, chữa bài lại cho đúng.  **c. Học tập những đoạn văn, bài văn hay:**  - GV đọc những bài, những đoạn văn hay của một số HS trong lớp (hoặc ngoài lớp  mình sưu tầm được).  -Tổ chức cho HS sửa lại câu văn, đoạn văn chưa hay trong bài cho sinh động, gợi cảm hơn  **3. Vận dụng**  - Giáo dục BVMT.  - Mỗi loại cây đều cho ta những ích lợi gì? Em đã làm gì để chăm sóc cây ở nhà và ở trường?  - GV nhận xét tiết học .  - Chuẩn bị bài sau: Luyện tập viết đoạn văn tưởng tượng. | - HS hát và vận động theo nhạc  - HS lắng nghe  **Cá nhân - Cả lớp**  - HS lắng nghe.  - Từng HS đọc lời nhận xét, ghi các loại lỗi và cách chữa lỗi.  - HS đối chiếu, đổi bài cho nhau theo từng cặp để soát lỗi còn sót, soát lại việc chữa lỗi.  - Cho 1 HS lên bảng chữa lỗi, lớp chữa lỗi vào bảng con.  - Lớp nhận xét bài trên bảng lớp.  - HS lắng nghe  - HS trao đổi, thảo luận về cái hay, cái đẹp của các đoạn, bài văn.  Viết lại câu văn, đoạn văn trong bài cho hay hơn.  -1-2 HS đọc lại  - HS trả lời  - HS lắng nghe |
|  |  |

Tiết 3: BÀI HỌC STEM

**ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Trình bày được vai trò của âm thanh trong cuộc sống.

- Có ý thức và thực hiện phòng chống ô nhiễm tiếng ồn trong cuộc sống.

- Lựa chọn và sử dụng các nguyên liệu, dụng cụ để làm nhạc cụ đúng cách, an toàn.

- Làm được 1 loại nhạc cụ và tạo ra được âm thanh từ nhạc cụ đó.

- Tích cực, chủ động, hợp tác được với các thành viên trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Tranh ảnh, video minh họa một số âm thanh thường gặp trong cuộc sống.

- Vật thật một số nhạc cụ hoặc hình ảnh hoặc video về các loại nhạc cụ.

- Các nguyên liệu để làm nhạc cụ: Hộp bánh bằng sắt, ống hút, giây chun, giấy màu, hồ, băng dính,….

- Phiếu học tập

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Các nguyên liệu để làm nhạc cụ: Hộp bánh bằng sắt, ống hút, giây chun, giấy màu, hồ, băng dính,…. (dành cho 1 nhóm 2 học sinh hoặc cá nhân, tùy theo nhạc cụ HS chọn)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

| **HĐ của GV** | **HĐ của HS** |
| --- | --- |
| **KHỞI ĐỘNG (Xác định vấn đề)** |  |
| **3. LUYỆN TẬP** |  |
| **Hoạt động 3: Tìm giải pháp, chế tạo và chia sẻ**  **- GV đưa tiêu chí sản phẩm**  + Nhạc cụ thuộc một trong những loại nhạc cụ: dây, hơi, gõ  + Nhạc cụ có thể phát ra được âm thanh.  + Vật liệu dễ kiếm, dễ sử dụng.  **-** HS bổ sung tiêu chí : Sản phẩm chắc chắn, dùng được lâu, trang trí đẹp mắt, …)  **3.1. Đề xuất và lựa chọn giải pháp**  - Phân nhóm theo sở thích (các bạn thích làm nhạc cụ hơi về 1 nhóm…  -HS lựa chọn nguyên liệu  - Phác thảo ý tưởng: GV quan sát, động viên khích lệ HS  - Chia sẻ ý tưởng (loại nhạc cụ, nguyên liệu….)  - Nhóm khác trao đổi về ý tưởng của nhóm bạn (nếu có).  **3. 2. Thực hành làm nhạc cụ**  - Lưu ý HS khi chế tạo nhạc cụ  + Lựa chọn vật liệu, kích thước phù hợp với nhu cầu.  + Có thể thay đổi so với ý tưởng ban đầu nếu cần thiết.  + Cẩn thận, an toàn khi sử dụng kéo, giữ vệ sinh cá nhân, môi trường.  - Nhóm trưởng hãy phân công nhiệm vụ cho các thành viên vào **Phiếu số 4** sau đó các con hãy bắt tay vào chế tạo sản phẩm của nhóm mình nhé.  -Thực hành chế tạo nhạc cụ  **3.3. Trưng bày và giới thiệu sản phẩm**  - Các nhóm trưng bày và giới thiệu, sử dụng nhạc cụ của nhóm.  - Nhóm khác lên sử dụng nhạc cụ của nhóm bạn  - Nhóm khác nhận xét, nêu ý kiến thắc mắc (nếu có)  - GV có thể hỏi thêm một vài câu ở từng nhóm để khắc sâu kiến thức bài học:  *+ Các bạn làm thế nào để bộ trống phát ra những âm thanh khác nhau? (sử dụng các chất liệu khác nhau để làm mặt trống – nhựa và kim loại)*  *+ Chiếc kèn của nhóm bạn thuộc loại nhạc cụ nào? (nhạc cụ hơi)*  *+ Âm thanh phát ra từ tiếng đàn của nhóm bạn có vai trò gì?*  **3.4. Đánh giá, điều chỉnh**  ***\****  Tiêu chí bình chọn sản phẩm (**Phiếu số 5**.)  \* Tự đánh giá: các nhóm tự đánh giá sản phẩm của nhóm trong **Phiếu số 5** theo các tiêu chí ở các mức: Đạt và Cần điều chỉnh.  -HS trình bày nội dung đánh giá và kế hoạch điều chỉnh sản phẩm (nếu có)***.***  \*Bình chọn sản phẩm của nhóm bạn.  GV mời lần lượt các nhóm lên trình bày nội dung đánh giá và kế hoạch điều chỉnh sản phẩm (nếu có)  - GV tổ chức cho HS bình chọn sản phẩm mình thích nhất. (Cả lớp đi tham quan và sau đó bình chọn sản phẩm bằng cách dán Sticker vào bảng nhóm có sản phẩm mình thích nhất.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm và tổng kết hoạt động. Công bố sản phẩm được bình chọn.  **4. VẬN DỤNG**  - Nêu cảm nhận về bài học: Biết tác dụng của âm thanh, biết làm nhạc cụ….  - GV nhận xét, giao nhiệm vụ về nhà (cải tiến sản phẩm nếu cần …), kết thúc bài học. | - HS đọc  - HS nêu tiêu chí  - H về nhóm  - Phác thảo ý tưởng  - HS chia sẻ  HS thực hành trong nhóm làm nhạc cụ theo phác thảo.  -Đại diện các nhóm giới thiệu, sử dụng nhạc cụ  - HS trả lời  -Các nhóm tự đánh giá  - Bình chọn nhóm bạn |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ ba, ngày 26 tháng 11 năm 2024**

Tiết 1: TOÁN

**Bài 33: LUYỆN TẬP (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện được phép nhân với số có hai chữ số

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép nhân nhân với số có hai chữ số vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giả, HS biết vận dụng phép nhân với số có 2 chữ số để giải quyết vấn đề

- Năng lực giao tiếp toán học: Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy (bảng nhóm BT3).

- Học sinh**:**  Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học “Ai nhanh ai đúng”  + Thực hiện nhóm đôi, một bạn đặt phép tính một bạn thực hiện  - GV gọi học sinh chia sẻ  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Qua phần trò chơi khởi động vừa rồi cô thấy cả lớp đã nắm rất tốt cách nhân với số có hai chữ số. Giờ học hôm nay cô cùng cả lớp vận dụng những cách nhân ấy vào các tình huống cụ thể có trong thực tế: Luyện tập (T2)  **2. Luyện tập:**  **Bài 3.** (Làm việc nhóm 4)  - GV cho học sinh đọc yêu cầu của bài  - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài toán  ?. Bài toán cho biết gì?  ?. Bài toán yêu cầu gì?  ?. Để tìm được số tiền bán gạo của của hàng ta phải làm như nào?  - GV cho hs thực hiện nhóm 4  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét kết quả trên bảng, tuyên dương.  **Bài 4.**  - GV cho học sinh đọc yêu cầu của bài  - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài toán  ?. Bài toán cho biết gì?  ?. Bài toán yêu cầu gì?   * GV yêu cầu học sinh làm bài vào vở   -Gv gọi học sinh chia sẻ bài làm của mình trước lớp   * - GV nhận xét kết quả trên bảng, tuyên dương   **3. Vận dụng.**  **Bài 5.** Hoá đơn truyền hình cáp của gia đình Huy là 115 000 đồng mỗi tháng. Hỏi cả năm gia đình  Huy phải trả bao nhiêu tiền truyền hình cáp?  (Làm việc cá nhân)  - GV gọi HS nêu đề bài.  - GV hướng dẫn HS cách tìm số tiền nhà Huy phải trả.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài tập vào vở.  - Gọi HS trình bày, nêu cách làm.  - GV nhận xét kết quả trên bảng, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - HS tham gia trò chơi  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu của bài  + Bán 40kg gạo tẻ với giá 18.000 đồng một ki-lô-gam và 35 kg gạo nếp với giá 25 000 đồng một ki-lô-gam.  + Cửa hàng đó thu được bao nhiêu tiền.  + HS suy nghĩ trả lời.  - HS chia nhóm thực hiện.  -Chia sẻ kết quả  **Bài giả**  Số tiền thu được từ gạo tẻ là :  40 x 18 000 = 720 000 (đồng)  Số tiền thu được từ gạo nếp là :  35 x 25 000 = 875 000 (đồng)  Số tiền cửa hàng thu được là :  720 000 + 875 000 = 1 595 000 (đồng)  Đáp số : 1 595 000 đồng  - HS đọc yêu cầu của bài  + Đường chạy bộ vòng quanh một sân vận động dài 400m. Một vận động viên ngày đầu chạy  23 vòng xung quanh sân vận động, ngày thứ hai chạy 27 vòng  +a) Mỗi ngày vận động viên đó chạy được bao nhiêu mét?  b) Sau cả hai ngày vận động viên đó chạy được bao nhiêu mét?  c) Ngày thứ hai vận động viên đó chạy nhiều hơn ngày thứ nhất bao nhiêu mét?  -Hs làm bài  **Bài giải**  a) Ngày đầu vận động viên chạy số mét là  23 x 400 = 9 200 (m)  Ngày thứ hai vận động viên chạy số mét là :  27 x 400 = 10 800 (m)  b) Cả hai ngày vận động chạy số mét là :  9 200 + 10 800 = 20 000 (m)  c) Ngày thứ hai vận động viên chạy nhiều hơn ngày thứ nhất số mét là:  10 800 + 9 200 = 1 600 (m)  Đáp số:  a) 9 200 m, 10 800m; b) 20 000 m; c) 1 600 m  + HS chia sẻ trước lớp về kết quả và cách làm của mình với các bạn.  -HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu của bài  -HS làm bài  **Bài giải**  Cả năm gia đình Huy phải trả số tiền truyền hình cáp là:  115 000 x 12 = 1 380 000 (đồng)  Đáp số: 1.380 000 đồng  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

**BÀI 4: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**(tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận thức khoa học lịch sử và địa lý: Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lý: Quan sát lược đồ phân bố dân cư, từ đó nhận xét được một cách đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Năng lực đọc hiểu và tự tìm kiếm được những thông tin về dân cư của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**2. Phẩm chất**

- Nhân ái: Tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Chăm chỉ: Tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SHS, SGV, SBT Lịch sử Địa lí 4.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

- Tranh ảnh sưu tầm và dụng cụ học tập có liên quan đến nội dung bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu**  - GV yêu cầu HS đọc phần Khởi động (SHS tr.19) và nêu câu hỏi: Nếu được đi du lịch đến vùng này, em mong muốn được chiêm ngưỡng cảnh vật và nét văn hóa nào nơi đây?  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.  - GV dẫn dắt HS vào bài học  **2. Hình thành kiến thức**  **\* Dân cư**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  - GV tổ chức cho HS cả lớp thảo luận nhóm (4HS/nhóm).  - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: Đọc thông tin, quan sát hình 1 và thực hiện yêu cầu:  - GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: Kinh, Mường, Tày, Nùng, Thái, Mông, Dao…  + Những tỉnh có mật độ dân số dưới 100 người/km2: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La.  Những tỉnh có mật độ dân số từ 100 đến 500 người/km2: Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hòa Bình, Bắc Giang, Quảng Ninh.  + Nhận xét về sự phân bố dân cư:  - Dân cư thưa thớt  - Phân bố có sự khác nhau giữa miền núi và trung du. Ở những vùng cao thì dân cư thưa hơn các vùng thấp và đô thị.  **Nhiệm vụ 2. HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi**  - GV chia HS thành các nhóm (6HS/nhóm) và nêu câu hỏi  + Trình bày đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Nêu một số nguyên nhân của sự phân bố đó.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung câu trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức:  + Đặc điểm phân bố dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:  - Là nơi có dân cư thưa thớt. Sự phân bố dân cư có nhiều điểm khác nhau giữa miền núi và trung du. Vùng cao dân cư thưa tớt hơn vùng thấp và các đô thị.  - Dân cư phân bố như vậy chủ yếu vì địa hình nơi đây nhiều đồi núi, giao thông khó khăn...  **3. Luyện tập**  **Trò chơi: Ai nhanh ai đúng!**  **- Tổ chức cho HS trả lời vào bảng con các câu hỏi trắc nghiệm sau:**  **Câu 1.** Một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:  A. Kinh, Mường, Tày, Ê đê, ...  B. Thái, Mông, Dao, Kinh, ...  C. Thái, Gia Rai, Mông, Dao, ...  D. Kin, Nùng, Tày, Ba Na, ...  **Câu 2.** Ghép các từ cho sẵn vào chỗ chấm (...) trong đoạn văn dưới đây để có thông tin đúng về dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  A. đô thị                               B. Trung du  C. nhiều                               D. thưa thớt  Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có ...(1)... dân tộc cùng chung sống. Đây là nơi có dân cư ...(2)... Phân bố dân cư có sự khác nhau giữa miền núi và ...(3)... Ở vùng thấp và các ...(4)..., dân cư đông hơn vùng cao.  **4. Vận dụng**  ? Qua bài học hôm nay, em biết thêm về điều gì?  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại mục 2 và tìm hiểu tiếp mục 2 bài Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. | - HS đọc phần khởi động.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thảo luận nhóm, thực hiện các nhiệm vụ được giao.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - HS lắng nghe, tiếp thu  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nêu. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Buổi chiều:**

Tiết 2: TIẾNG VIỆT

**NÓI VÀ NGHE**

**KỂ CHUYỆN: CÂY HOA HỒNG BẠCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ:**

- Nhớ nội dung, kể lại được câu chuyện Cây hoa hồng bạch.

- Lắng nghe bạn kể, biết ghi chép, nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

- Biết trao đổi cùng các bạn về nội dung câu chuyện.

**2. Năng lực văn học:** cảm nhận được cái hay của câu chuyện và biết thể hiện tình cảm, cảm xúc khi kể chuyện.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Thông qua bài học, có ý thức về sự trung thực, tôn trọng tài sản của người khác;

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết quan tâm, hòa đồng và giúp đỡ mọi người.

- Phẩm chất trung thực: có ý thức về sự trung thực.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết tôn trọng tài sản của người khác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, bảng phụ, bài giảng Powerpoint.

- HS: SGK, giấy bút.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - GV cho 1,2 HS giới thiệu một câu chuyện về ước mơ.  - GV gọi HS nhận xét.  \*GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới.  - GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Bức tranh vẽ những gì? | - HS giới thiệu câu chuyện đã đọc ở nhà.  - Nhận xét cách trình bày của bạn.  - HS nêu: vẽ ba ông cháu đang tưới hoa. |
| - Giới thiệu bài  - GV viết tựa bài lên bảng | - Lắng nghe  - HS nhắc lại tựa bài |
| **2. Khám phá**.  **Hoạt động 1:** **Nghe kể chuyện.**  **-** GV gọi HS đọc yêu cầu 1 và các câu hỏi gợi ý.  - GV kể lần 1, kết hợp giải nghĩa từ khó. Có thể kết hợp nêu một số câu hỏi định hướng chú ý của HS.  - GV kể lần 2, lần 3 (hoặc chiếu video clip nếu có) | - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe và nêu từ khó hiểu cần giải thích.  - HS lắng nghe, ghi vắn tắt nội dung nghe được. |
| - Gọi HS trả lời các câu hỏi trong sơ đồ gợi ý để ghi nhớ các chi tiết chính trong câu chuyện: | \*Dự kiến câu trả lời: |
| + Vườn cây ở khu tập thể xuất hiện như thế nào? | + Ở khu tập thể có một ông cụ đến ở cùng gia đình cô con gái và đã biến vạt đất trước nhà cô con gái thành một vườn cây. |
| + Chuyện gì xảy ra với cây hoa hồng bạch của ông cụ? | + Ông cụ thấy thiếu hai nụ hoa to sắp nở. Ai đó đã bẻ ngoéo cả cành hoa. |
| + Ai đã hái những nụ hoa hồng bạch? | + Hai bạn nhỏ tầm bảu tám tuổi đã hái những nụ hoa hồng bạch. |
| + Ông cụ đã nói thế nào để ba ông cháu cùng chăm sóc cây hoa? | + Ông cụ nói: “Nếu ngại mang cây về, thì mấy ông cháu mình trồng chung vậy. Chiều chiều các cháu đến đây tưới với ông. Lúc nào nụ hoa nở, ông cho mỗi cháu một bông. Được không?” |
| **Hoạt động 2:** **Kể chuyện** |  |
| -GV cho HS trao đổi nhóm đôi dựa vào các câu hỏi gợi ý, kể lại từng đoạn câu chuyện cho bạn nghe.  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  - GV mời 1 số nhóm báo cáo tình hình hoạt động nhóm. | - HS kể chuyện trong nhóm đôi.  - Nhận xét phần làm việc của nhóm |
| - GV đưa ra các tiêu chí kể chuyện. | \* Dự kiến các tiêu chí:  + Kể đúng nội dung.  + Kể đúng trình tự việc  + Lời kể tự nhiên kết hợp biểu cảm, cử chỉ. |
| - GV mời một số nhóm lên kể chuyện trước lớp.  - HS khác và GV nhận xét, góp ý theo các tiêu chí.  - Cho HS thi kể chuyện trước lớp.  - Gọi 1, 2 HS HTT kể lại toàn bộ câu chuyện. | - Lắng nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về lời kể của bạn.  - Nhận xét, góp ý cho bạn theo các tiêu chí đã đưa ra.  - Lắng nghe và bình chọn bạn kể hay nhất.  - Lắng nghe. |
| **3. Thực hành, luyện tập**  **\*Trao đổi về câu chuyện.**  - Gọi HS đọc yêu cầu 2.  \*GV sử dụng kĩ thuật “Mảnh ghép”  - Vòng 1: Nhóm Chuyên gia: GV cho HS thảo luận nhóm 6 theo câu hỏi được giao.  + Câu a): Theo em, hành động của các bạn nhỏ đáng chê trách ở điểm nào?  + Câu b): Ông cụ nói gì khi bắt gặp hai bạn nhỏ bẻ nụ hoa hồng?  + Câu c): Cách ứng xử của ông cụ giúp hai bạn nhỏ thay đổi như thế nào?  + Câu d): Qua câu chuyện, em rút ra được bài học gì?  - Vòng 2: Nhóm Mảnh ghép: GV cho HS đếm số từ 1 đến 4 để hình thành nhóm mới. các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ câu trả lời ở vòng 1 cho nhau. Các nhóm trình bày vào bảng phụ.  - Gv mời các nhóm trình bày kết quả. | - Đọc yêu cầu.  - Thảo luận nhóm theo câu hỏi được phân công.  - Chia sẻ câu trả lời đã thảo luận ở vòng 1 và trình bày vào bảng phụ.  - Trình bày kết quả của nhóm mình: |
| + Câu a): Theo em, hành động của các bạn nhỏ đáng chê trách ở điểm nào?  + Câu b): Ông cụ nói gì khi bắt gặp hai bạn nhỏ bẻ nụ hoa hồng?  + Câu c): Cách ứng xử của ông cụ giúp hai bạn nhỏ thay đổi như thế nào?  + Câu d): Qua câu chuyện, em rút ra được bài học gì?  - GV cùng HS nhận xét, bổ sung.  - GV tuyên dương các nhóm. | \* Dự kiến câu trả lời:  + Hai bạn nhỏ tự ý hái hoa của ông cụ khi ông cụ chưa cho phép.  + Lúc đầu ông nói đùa rằng ông cho các bạn cả cây hoa hồng khỏi phải hái hoa của ông. Sau đó, ông rủ các bạn nhỏ cùng chăm sóc cây với ông.  + Hai bạn nhỏ lúc đầu rất sợ haix, nhưng sau đó đã hiểu ra cái sai của mình và hằng ngày chăm sóc cây cùng với ông cụ.  + Chúng ta cần tôn trọng tài sản của người khác, không tự ý lấy đồ của người khác khi chưa được cho phép.  - Lắng nghe và bổ sung câu trả lời. |
| **4. Vận dụng**  - GV cho HS nêu những chi tiết HS yêu thích trong câu chuyện. | - HS chia sẻ trước lớp. |
| \*GV giáo dục HS: Cần có ý thức trung thực, không tự ý lấy đồ của người khác và tôn trọng tài sản của người khác. | - Lắng nghe và thực hiện |
| - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.  - Chuẩn bị bài sau: Trao đổi: Em đọc sách báo. | - Lắng nghe thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: KHOA HỌC

**BÀI 11: SỰ TRUYỀN NHIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực.**

- NL nhận thức khoa học tự nhiên: Hiểu được nhiệt độ cho biết mức độ nóng hay lạnh của vật. Nêu được vật nóng hơn thì có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ thấp hơn.

- NL tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh; -Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ.

- NL vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; Giải thích, đưa ra cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản.

**2. Phẩm chất**:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết chia sẻ lòng biết ơn khi được hướng dẫn về nội dung bài học.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ tìm hiểu, làm tốt các nhiệm vụ và trả lời vấn đề cô giao.

- Phẩm chất trách nhiệm: Học tập nghiêm túc, giữ trật tự, biết lắng nghe khi bạn trình bày nhóm và biết đưa ra nhận xét nhóm bạn và đưa ra được những cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản.

**II. ĐÒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: + Máy tính, máy chiếu.

+ Dụng cụ để HS làm được các thí nghiệm như ở hình 1, 4 SGK.

+ Tranh ảnh như trong SGK.

+ Bảng nhóm, bút dạ, bút chì hoặc phấn viết bảng.

- Học sinh**:** Vở, sách khoa học Một số nhiệt kế.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:**  \* Tổ chức cho HS chơi trò chơi **“Chiếc hộp bí mật”**  **Hộp 1:** Bạn nên làm gì để tránh tác hại do ánh sáng gây ra đối với mắt?   1. Nhìn trực tiếp vào mặt trời. 2. Đội mũ vành rộng hoặc che ô, đeo kính khi đi ra trời nắng. 3. Nhìn trước tiếp vào ánh lửa.   **Hộp 2:** Chúng ta nên đọc sách ở nơi có ánh sáng như thế nào?   1. Vào buổi tối ở trong phòng không bật đèn. 2. Nơi có ít ánh sáng mặt trời. 3. Nơi có đủ ánh sáng.   **Hộp 3:**  - Nhận xét, đánh giá.  \* Kết nối: Để tìm hiểu vì sao có sự thay đổi như vậy chúng ta sẽ học sư truyền nhiệt. | - HS tham gia chơi lựa chọn các hộp và trả lời câu hỏi trong từng hộp  - Lớp theo dõi, nhận xét.  - B. Đội mũ vành rộng hoặc che ô, đeo kính khi đi ra trời nắng.  - C. Nơi có đủ ánh sáng.  - 4-5 Hs dự đoán: nước trong cốc nguội đi, nước trong chậu nóng lên.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài. |
| **2. Khám phá:**  **a. Nhiệt độ**  ? Làm thế nào để biết được vật nào nóng hơn, vật nào lạnh hơn?  ? Có thể làm cho vật nóng lên hay lạnh đi như thế nào?   * - GV cung cấp thông tin   - Gọi HS đọc thông tin  **\* HĐ 1. Thí nghiệm hình 1 SGK.**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 1, đọc mô tả thí nghiệm trong SGK.  - GV yêu cầu HS dự đoán nhiệt độ ở cốc nước nào cao nhất, ở cốc nước nào thấp nhất.  - GV mời đại diện 2 – 3 HS đưa ra dự đoán. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV chưa nhận xét đúng hay sai mà tiếp tục cho HS làm thí nghiệm kiểm chứng theo nhóm 4.  - GV hướng dẫn HS làm thí nghiệm, quan sát nhắc nhở các em khi sử dụng nước nóng.  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và đưa ra kết luận: **Vật nóng hơn thì có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ thấp hơn.**  **HĐ 1.2: Cùng thảo luận**  **PHIẾU THẢO LUẬN**  **?** Khi nào nhiệt độ cao hơn trong mỗi trường hợp sau đây?  (1) Nhiệt độ nước lúc chưa đun và khi đun sôi.  (2) Nhiệt độ người khi khỏe mạnh và khi sốt.  (3) Nhiệt độ ngoài trời ở một nơi vào buổi sáng sớm và vào buổi trưa nắng.  - GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, thảo luận theo phiếu thảo luận.  - GV yêu cầu các nhóm chia sẻ các thông tin mà nhóm vừa thảo luận trả lời câu hỏi.  - GV mời 1 nhóm trả lời và nhận xét chéo nhau.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác, chốt lại khi nào nhiệt độ cao trong một số trường hợp.  - GV nhận xét và đưa ra kết luận: **Vật nóng hơn thì có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ thấp hơn.**  **-** GV cung cấp thêm thông tin:  ? Nêu tên các vật có nhiệt độ cao (nóng), vật có nhiệt độ thấp (lạnh)  ? Nhiệt độ của hơi nước đang sôi là bao nhiêu độ C.  ? Nhiệt độ của nước đá đang tan là bao nhiêu độ C.  ? Nhiệt độ cơ thể ở mức nào thì cần phải đi khám và chữa bệnh.  ? Khi bị ốm, sốt em có cảm giác như thế nào?  ? Em cần làm gì khi bị ốm, sốt?  - GV yêu cầu các cặp lần lượt trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện 1 – 2 cặp thực hành trước lớp, trả lời các câu hỏi, HS khác chú ý lắng nghe và nhận xét.  - GV tuyên dương và chốt lại các kiến thức trọng tâm.  **b. Nhiệt kế**  ? Có mấy loại nhiệt kế, đó là những loại nào?  **- Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng**  Phổ biến luật chơi: Lớp của đại diện 2 đội mỗi mội 2 HS. Mỗi nhóm sẽ được nhận tranh, ảnh của các loại nhiệt kế, nhiệm vụ của các bạn sẽ phân loại vào các cột cho đúng. Đội nào nhanh và chính xác là đội thắng cuộc.  - Nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc  **- Gv giới thiệu:** Có 3 loại nhiệt kế đó là: Nhiệt kế thủy ngân, nhiệt kế điện tử, nhiệt kế hồng ngoại. Vậy cách sử dụng các nhiệt kế đó như thế nào chúng ta cùng vào bài ngày hôm nay.  **HĐ 2. Giới thiệu các loại nhiệt kế**  ? Gia đình em đã sử dụng loại nhiệt kế nào? Hãy giới thiệu về loại nhiệt kế đó?  - Các em đã biết về cấu tạo của các loại nhiệt kế rồi, vậy mỗi loại lại có cách sử dụng khác nhau chúng ta cùng đi tìm hiểu nhé.  **PHIẾU THẢO LUẬN**  1. Nêu mục đích sử dụng của mỗi loại nhiệt kế trong các hình dưới đây:  Nêu mục đĩch sử dụng của mỗi loại nhiệt kế trong các hình dưới đây.  2. Mỗi nhiệt kế trong hình chỉ bao nhiêu độ? Số chỉ của nhiệt kế cho em biết điều gì?  Mỗi nhiệt kế trong hình chỉ bao nhiêu độ? Số chỉ của nhiệt kế cho em biết điều gì?  - GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS đọc phiếu thảo luận.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm.  - Mời đại diện nhóm trả lời  - GV chốt đáp án:  **\*** Mục đích sử dụng của mỗi loại nhiệt kế trong các hình:  - Hình 3,4,5: dùng để đo nhiệt độ cơ thể.  - HÌnh 6: dùng để đo nhiệt độ không khí.  - Hình 7: dùng để đo nhiệt độ của nước.  - Số chỉ của nhiệt kế cho em biết: nhiệt độ thực tế của vật đuọc đo nhiệt độ.  **HĐ 3. Cách sử dụng nhiệt kế**  **a. Nhiệt kế điện tử**  - GV chia lớp thành các nhóm 4.  - GV hướng dẫn HS thực hành sử dụng nhiệt kế để đo nhiệt độ cơ thể.  - GV yêu cầu HS thực hành đo nhiệt độ của bản thân và các bạn trong nhóm.  ? Em có nhận xét gì về nhiệt độ của em và của các bạn trong nhóm?  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ? Em hãy nêu các bước để đo nhiệt độ cơ thể  **Kết luận:** Không phải lúc nào cũng cần phải đo nhiệt độ, khi cơ thể có dấu hiệu ốm, khó chịu hoặc khi sờ tay lên trán thấy nóng thì cần kiểm tra nhiệt độ cơ thể và báo cho người lớn ngay nếu có dấu hiệu sốt.  **b. Nhiệt kế đo nhiệt độ không khí**  - GV yêu cầu HS thực hành đo nhiệt độ của phòng học.  ? Em có nhận xét gì về kết quả đo nhiệt độ phòng học của em và của các bạn trong nhóm?  ? Nêu cách đo nhiệt độ phòng  - GV nhận xét, đưa ra kết luận: **Nhiệt kế là dụng cụ đo nhiệt độ**  Để chia độ nhiệt kế, người ta nhúng bầu của nhiệt kế ngập trong nước đá đang tan. Đánh dấu mức chất lỏng trong ống bằng một vạch có ghi số 0. Lúc này nhiệt kế chi 0 độ C là nhiệt độ của nước đá đang tan.  Nhúng bầu của nhiệt kế vào hơi nước đang sôi. Đánh dấu mức chất lỏng trong ống bằng một vạch có ghi số 100. Lúc này nhiệt kế chỉ 100 độ C là nhiệt độ của hơi nước đang sôi.  Cách chia độ này theo thang nhiệt độ là Xen – xi - ớt. Ngoài ra trong nhiệt kế treo tường ta còn thấy ghi độ F – đây là nhiệt độ trong thang nhiệt độ Fa-ren-hai.  **3. Luyện tập, vận dụng**  - Ngoài cách đo nhiệt độ cơ thể bằng nhiệt kế điện tử, gia đình em còn sử dụng nhiệt kế nào nữa để đo nhiệt độ cơ thể?  ? Em hãy nêu cách đo nhiệt kế bằng thủy ngân?  - YC HS lên bảng thực hành.  - Nhận xét, dặn dò | - Vật nóng hơn có nhiệt độ cao hơn vật lạnh.  - Có thể cho vật nóng hơn ra chỗ có nhiệt độ thấp hơn để vật lạnh đi.    - 2-3 HS đọc thông tin  - So sánh nhiệt độ của các cốc nước trong hình 2. Giải thích.  - Dự đoán nhiệt độ ở cốc nước.  - Cốc nước trong hình C có nước đá, cốc nước trong hình B có hơi nước nóng bốc lên cho nên cốc nước trong hình B có nhiệt độ cao nhất, cốc C có nhiệt độ thấp nhất.    - HS lắng nghe, thực hiện yêu cầu của GV.   - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS làm thí nghiệm theo nhóm.  - HS báo cáo:  Vì nước càng nóng thì nhiệt độ của nước càng cao nên cốc B có nhiệt độ cao nhất, cốc C có nhiệt độ thấp nhất.    - HS chú ý lắng nghe, ghi bài.          - HS chia nhóm theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe hướng dẫn của GV.   - HS thực hành theo nhóm.    - Đại diện nhóm trả lời:  (1) Nhiệt độ nước khi đun sôi cao hơn lúc chưa đun.  (2) Nhiệt độ người khi sốt cao hơn khi khoẻ mạnh.  (3) Nhiệt độ ngoài trời ở một nơi vào buổi trưa nắng cao hơn vào buổi sáng sớm.  - Hs lắng nghe. 1-2 HS nhắc lại  + Vật nóng: Nước sôi, chảo dầu đang nấu, hơi nước, nền xi măng khi trời nắng,...  + Vật lạnh: nước đá, đồ trong tủ lạnh,...  - Nhiệt độ của hơi nước đang sôi là 100 độ C.  - Nhiệt độ của nước đá đang tan là 0 độ C.  - Nhiệt độ cơ thể dưới 36 độ C và trên 38 độ C cần phải đi khám và chữa bệnh.  - Người nóng lên và mệt mỏi, đau người,…  - Em cần nói cho người lớn biết,…  - Có 3 loại nhiệt kế đó là: Nhiệt kế thủy ngân, nhiệt kế điện tử, nhiệt kế hồng ngoại,...  - Hs tham gia chơi.    + Nhiệt kế thủy ngân: gồm ống thủy tinh, bầu thủy ngân, thang chia độ.  + Nhiệt kế điện tử: gồm đầu cảm biến, thân nhiệt kế, nút nguồn, màn hình hiển thị kết quả  + Nhiệt kế hồng ngoại: gồm đầu đo nhiệt độ, phím đo, màn hình led, phím nguồn.  - 1-2 HS đọc phiếu thảo luận  - Thảo luận theo nhóm.  - Đại diện nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Hs quan sát, lắng nghe  - HS thực hành đo nhiệt độ.  - Nhiệt độ của em và của các bạn gần giống nhau, không chênh lệch nhiều.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.    **Bước 1:** Ấn phím bật/ tắt.  **Bước 2**: Đặt nhiệt kế vào vị trí cần đo **Bước 3**: Khi kết quả hiển thị, nhiệt kế phát ra tiếng “bíp – bíp – bíp” (3 lần). Lấy nhiệt kế ra và đọc kết quả.  **Bước 4**: Tắt nhiệt kế và cho vào vỏ bảo vệ  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.   - Kết quả đo nhiệt độ phòng học của em giống với kết quả của các bạn trong nhóm.  - HS lắng nghe, ghi bài.    - Nhiệt kế thủy ngân.  **Bước1**: Cầm chắc đuôi nhiệt kế, dùng lực cổ tay vẩy mạnh nhiệt kế cho xuống dưới mức 35 độ C.  **Bước 2:** Cho nhiệt kế thủy ngân vào vị trí đo và giữ nguyên nhiệt kế thủy ngân ở vị trí đó ít nhất từ 5-7 phút.  **Bước 3:** Rút và đọc kết quả hiển thị trên nhiệt kế.  - 1- 2 HS thực hành. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ tư, ngày 27 tháng 11 năm 2024**

Tiết 2: TOÁN

**Bài 34: CÁC TÍNH CHẤT CỦA PHÉP NHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu và vận dụng được các tính chất (giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, nhân với số 0 của phép nhân.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính chất của phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực .**

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Thông qua việc biết vận dụng các tính chất của phép nhân để giải quyết vấn đề,

- Năng lực giao tiếp toán học; Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toám học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên; Một số thẻ số rời, phiếu BT 1

- Học sinh**:** Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Cho HS dùng các thẻ số rời lập thành các phép tính tương ứng (thẻ số 3, 4, 12, thẻ dấu =, x)  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Với các thẻ số giống nhau ta có thể lập được hai phép tính có kết quả bằng nhau, vậy ta nói hai phép tính đó là hai phép tính bằng nhau. Trong toán học gọi đây là một tích chất. Tính chất là gì? Bài học hôm nay cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu về các tính chất của phép nhân qua bài 34 Các tính chất của phép nhân. | | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 3 x 4 = 12  + Trả lời: 4 x 3 = 12  - HS lắng nghe. | |
| 1. **Khám phá** –   GV giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân.  + GV cho hs quan sát các phép tính của yêu cầu số 1.  - Gọi HS đọc phép tính nêu nhận xét của mình  - Yêu cầu khi đổi chỗ các thừa số của phép nhân 2 số thì ta nhận được gì?  - GV gọi một số cặp HS lên bảng thực hiện.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV chốt lại: Cũng tương tự như tính chất giao hoán của phép cộng, với phép nhân cũng có tính chất này. Cụ thể, trong một phép tính tích, khi ta đổi chỗ các thừa số thì kết quả tích của chúng vẫn không thay đổi.  Ta viết: **a × b = b × a**  - GV giới thiệu tính chất kết hợp.  -GV cho hs quan sát các phép tính thảo luận và tìm ra quy luật.  + Thực hiện phép tính như thế nào?  + Kết quả như thế nào khi thay đổi dấu ngoặc ở phép tính thứ 2?  + Thực hiện phép tính trên ta có thể phát biểu thành lời như thế nào?  -GV chốt lại. Khi nhân một tích với 3 thừa số, trong đó thừa số thứ 3 ta có thể nhân với thừa số đầu tiên với tích của thừa số thứ hai và thứ ba.  Công thức như sau: **a x b x c = (a x b) x c = a x (b x c)**  -GV tổ chức cho học sinh thực hiện tìm ra cách “ Nhân với số 1, nhân với số 0”  + Nhân với số 1: Thực hiện phép tính bằng hai cách  + 6 x 1  + 1 x 6  -GV từ cách tính trên ta có thể nhận xét như thế nào về nhân với 1?  + Nhân với số 0  + 0 x 4  + 4 x 0  -Gv chốt: Các bài toán chúng ta vừa thực hiện để tìm ra quy luật gọi là tính chất. Vậy phép nhân có những tính chất nào? | - 2-3 HS đọc.  - HS thực hiện theo cặp, nói cho nhau nghe về sự giống nhau của các phép tính.  - 2-3 cặp HS lên bảng thực hiện theo yêu cầu.  + Khi đổi chỗ các thừa số của phép nhân hai số thì kết quả không thay đổi.  - HS lắng nghe, nhắc lại  -Hs thảo luận nhóm 4  + Thực hiện như tính giá trị của biểu thức, khi trong biểu thức có dấu ngoặc.  + Kết quả của phép tính không thay đổi vẫn bằng 90  + Khi nhân một tích với số thứ 3, ta có thể nhân số thứ nhất với tích của sô thứ hai và thứ ba.  - Lớp quan sát và lắng nghe.  - Hs lên thực hiện .  + 6 x 1 = 6  + 1 x 6 = 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1= 6  + Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.  -HS thực hiện  + 0 x 4 = 0 x 0 x 0 x 0 =0  + 4 x 0 = 0  + Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.  - HS lắng nghe  + HS trả lời câu hỏi. | | |
| 1. **Luyện tập**   **Bài 1.** Số (Làm việc cá nhân trên phiếu bài tập)  -GV cho hs đọc yêu cầu của đầu bài  -GV hướng dẫn học sinh làm bài  -GV gọi hs chia sẻ kết quả bài tập và chia sẻ cách làm của mình với bạn  -GV nhận xét: Trong bài tập 1 ta áp dụng kiến thức như thế nào đề thực hiện?  Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện nhất ( TM)  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn mẫu  -GV cho hs làm bài theo nhóm đôi vào vở   |  |  | | --- | --- | | a) 216 x 5 x 2  b) 4 x 76 x 25 | c) 5 x 19 x 2  d) 125 x 23 x 8 |   -GV mời các nhóm chia sẻ cách làm của mình  -GV chốt kiến thức: cô đồng tình với ý kiến của bạn. Ta dùng tính chất kết hợp để đưa về các tích 10,100, 1000 rồi thực hiện phép tính. Áp dụng tính chất nhân một số với 1.  Bài 3: Một nhóm 5 người dự định đi dã ngoại trong 3 ngày. Mỗi ngày một người dự kiến mang theo 2kg đồ ăn uống. Hỏi nhóm người này cần mang theo bao nhiêu ki-lô-gam đồ ăn uống trong quá trình dã ngoại?  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn hs tìm hiểu bài.  +Bài toán cho biết điều gì?  + Bài toán yêu cầu điều gì?  + Để giả bài toán này ta phải làm như thế nào?  + Vậy bài toán này ta làm mấy phép tính.  + Gv cho hs làm bài vào vở và bảng lớp  -GV chữa bài, chốt kiến thức áp dụng trong bài. | -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe. Hs làm bài vào phiếu bài tập  -Hs chia sẻ kết quả và cách làm bài   |  |  | | --- | --- | | a) 12 x 4 = 4 x 12  106 x 3 = 3 x 106  b) 7 x 1 = 7  519 x 0 = 0  123 x 0 = 0 | (17 x 5) x 2 = 17 x (5 x 2)  86 x 2 x 5 = 86 x (2 x 5)  432 x 1 = 432  1 x 0 = 0  3 456 x 1 = 3 456 |   -HS ở ý a khi thực hiện bào tập tớ nhó lại kiến thức về tính chất giao hoán và kết hợp để thực hiện.  Ý b tớ áp dụng số nào nhân với 1 cũng bằng số đó. Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.  -HS đọc yêu cầu của bài  -Lắng nghe hs hướng dẫn mẫu  -HS làm bài theo nhóm  -HS chia sẻ: để thực hiện được các phép tính bằng cách thuận tiện nhất em đã áp dụng tính chất kết hợp của phép nhân để thực hiện, em kết hợp các số có tích bằng 10, 100, 1000.. để thực hiện nhân nhẩm.  - Lắng nghe  -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.  + Một nhóm 5 người dự định đi dã ngoại trong 3 ngày. Mỗi ngày một người dự kiến mang theo 2kg đồ ăn uống.  + Hỏi nhóm người này cần mang theo bao nhiêu ki-lô-gam đồ ăn uống trong quá trình dã ngoại?  + Ta có thể tính số kg đồ ăn có 5 người trong một ngày. Sau đó ta nhân với 3 ngày.  + Bài này ta có thể làm 2 phép tính. Cách 2 có thể dùng tính chất kết hợp của phép nhân để thực hiện bài giải  -HS làm bài  Bài giải  Nhóm người này cần mang theo số ki-lô-gam đồ ăn uống là:  (5 x 2) x 3 = 30 (kg)  Đáp số: 30 kg đồ ăn uống | | |
| **4. Vận dụng.**  **Bài 4:** (Làm việc nhóm cả lớp)  **-** GV tổ chức cho HS thi giải nhanh tính đúng bài toán  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau**.** | - HS thi đua giải nhanh, tính đúng bài toán.  - HS trình bày.  Bài giải:  Khu chung cư này có số căn hộ để ở là  (12 x 15) x 4 = 720 (căn)  Đáp số: 720 căn hộ  - Cả lớp nhận xét. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: TIẾNG VIỆT

**BÀI ĐỌC 2: KỈ NIỆM XƯA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 80 – 85 tiếng/phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu HK1

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Đề cao tình cảm gắn bó yêu thương giữa anh chị em họ và hàng nói chung.

**2. Năng lực văn học:** Cảm nhận được tình yêu của tác giả với ngôi nhà và những kỉ niệm tuổi thơ, tình cảm giữa những người thân trong gia đình, họ hàng; biết chia sẻ suy nghĩ của mình với mọi người.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Bồi dưỡng tình cảm gắn bó, sẻ chia trong gia đình, dòng họ.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết bồi dưỡng tình cảm gắn bó, sẻ chia trong gia đình, dòng họ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, bảng phụ, bài giảng Powerpoint.

- HS: SGK, VBT, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi “Giải cứu đại dương”.  - Hình thức chơi: HS chọn con vật dưới biển mà mình muốn giải cứu trên trò chơi để đọc 1 đoạn và trả lời 1 trong 5 câu hỏi ở SGK (tr.86) Bài đọc 1: Người cô của bé Hương theo yêu cầu ở mỗi thẻ gắn vào con vật đó.  - GV gọi HS nhận xét giọng đọc và câu trả lời.  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia chơi trò chơi.  - Đọc bài theo yêu cầu  - HS nhận xét.  - Học sinh lắng nghe, nhắc lại tên bài. |
| - Giới thiệu bài:  + Trong bức tranh, các em thấy các bạn nhỏ đang chơi đùa rất vui vẻ. Các em hãy đọc bài Kỉ niệm xưa để tìm hiểu về các bạn nhỏ này nhé. | - Học sinh quan sát tranh và nêu nội dung |
| **2. Khám phá**.  \* **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - GV đọc mẫu toàn bài: Giọng đọc thong thả, rõ ràng, tình cảm. Nhấn giọng gây ấn tượng ở những từ ngữ khó hoặc gợi tả: râm ran, tít mù, lả tả, bất phân thắng bại, thân thiết, bền chặt,… Giọng đọc chậm rãi ở câu cuối.  - HD chung cách đọc toàn bài.  - GV chốt vị trí 4 đoạn | - HS lắng nghe kết hợp theo dõi trong SGK.  - HS lắng nghe cách đọc.  - Theo dõi  HS chia đoạn: 4 đoạn  \*Dự kiến:  +Đoạn 1: Từ đầu ... đến kéo nhau ra vườn chơi.  +Đoạn 2: Tiếp đến .... một gốc vườn.  +Đoạn 3: Tiếp đến... Nghịch vừa vừa thôi..  +Đoạn 4 : Phần còn lại. |
| - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp luyện đọc từ khó. | - HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó (Chẳng hạn: bắt mạch, cúc tần, tít mù, …) |
| - GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 4.  - GV nhận xét các nhóm. | - HS luyện đọc theo nhóm 4.  - 2 nhóm thi đọc trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc. |
| - Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK (án thư, bắt mạch, châm cứu, dây tơ hồng, bất phân thắng bại) | - Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ khác (nếu có). VD: cúc tần: Cúc tần là một vị thuốc Nam rất quý, có tính mát và vị đắng, thường được dùng để chữa chứng nhức đầu cảm sốt, bí tiểu, đau nhức xương khớp… và nhiều bệnh lý khác. |
| - Gọi 1 HS đọc lại toàn bài | - 1 HS HTT đọc lại toàn bài.  - Lớp theo dõi, đọc thầm. |
| **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 5 câu hỏi trong SGK. | - 5 HS đọc tiếp nối 5 câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo. |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. Tổ chức cho HS hoạt động theo kĩ thuật mảnh ghép.  \*GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  - GV mời LPHT lên điều hành các bạn trình bày, báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi động viên HS các nhóm và bổ sung (nếu có). | - HS nghe và làm việc theo nhóm – kĩ thuật mảnh ghép:  B1: Cá nhân đọc thầm trong SGK và trả lời câu hỏi của nhóm mình.  B2: Thảo luận nhóm chuyên sâu  B3: Làm việc theo nhóm mảnh ghép  B4: Chia sẻ trước lớp: LPHT điều hành các bạn chia sẻ. Lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung.  - Theo dõi |
|  | \*Dự kiến kết quả chia sẻ: |
| + Khung cảnh ngôi nhà xưa của ông bà nội được miêu tả như thế nào? | + Ngôi nhà khung gỗ, có những cột gỗ lim lên nước đen bóng. |
| + Mấy anh chị em chơi những trò chơi gì? Em thích những chi tiết nào trong hai đoạn văn miêu tả các trò chơi ấy? | + Mấy anh chị chơi bán hàng, đánh trận. VD: Tớ thích nhất chi tiết “ba anh em đánh nhau tít mù khiến cây rơi lả tả”./… |
| + Hình ảnh ông nội trong tâm trí các cháu vừa trang nghiêm vừa ấm áp. Hãy tìm những chi tiết trong bài đọc thể hiện điều đó. | + Cảnh ông nội ngồi sau án thư bên cửa sổ, bắt mạch, kê đơn, châm cứu và bốc thuốc thể hiện sự trang nghiêm. Còn cảnh ông thò đầu ra cửa sổ mắng yêu các cháu trai đang nghịch thể hiện sự trang nghiêm vừa cho thấy tình cảm ấm áp của ông dành cho các cháu. |
| + Câu nào dưới đây nói lên ý nghĩa (chủ đề) của bài đọc. Tìm ý đúng:  a) Tôi nhớ mãi về căn nhà nhỏ này, nơi lưu giữ tuổi thơ yêu dấu.  b) Mỗi khi ông làm việc, chị em chúng tôi lại kéo nhau ra vườn chơi.  c) Sau này, khi đã lớn khôn, chị em chúng tôi vẫn thân thiết với nhau như hồi còn thơ bé.  d) Phải chăng bởi những kỷ niệm thơ bé ấy mà tình chị em cô con cậu của chúng tôi vẫn bền chặt mãi qua thời gian? | + Câu D: Phải chăng bởi những kỷ niệm thơ bé ấy mà tình chị em cô con cậu của chúng tôi vẫn bền chặt mãi qua thời gian? |
| - GV hỏi thêm: Qua bài đọc, em hiểu nội dung câu chuyện nói về điều gì? | - HS suy nghĩ, trả lời |
| - GV nhận xét, chốt lại: Đề cao tình cảm gắn bó yêu thương giữa anh chị em họ và hàng nói chung. | - Lắng nghe |
| **3.Thực hành, luyện tập:**  **Đọc nâng cao**  - **Khác** với bọn con gái,/ **lũ con trai -** / là anh Hải, / con bác tôi / và Sơn, /Hữu / - con cô tôi / lại **khoái** trò chơi đánh trận.  - Thường là đến hồi **bất phân thắng bại** / thì ông nội **thò đầu** ra cửa sổ, / quát to: “**Nghịch** vừa vừa **thôi!**”.  - **Phải chăng** / bởi những **kỉ niệm** thơ bé ấy / mà tình chị em **con cô con cậu** của chúng tôi / vẫn **bền chặt** mãi qua thời gian? | |
| - Hướng dẫn HS cách đọc diễn cảm  - GV chốt giọng đọc, chỗ nhấn giọng.  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm bàn.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - 1 HS đọc đoạn văn – lớp theo dõi phát hiện từ bạn nhấn giọng  - HS luyện đọc đọc theo nhóm bàn.  - Thi đọc diễn cảm trước lớp.  Nhận xét bạn đọc và bình chọn bạn đọc tốt nhất. |
| **4. Vận dụng**  + Qua bài đọc, em học tập điều gì? Em đã làm được những gì? | - HS nối tiếp chia sẻ. |
| - Nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng. | - HS nhận xét – tuyên dương. |
| \* (GDHS): Biết bồi dưỡng tình cảm gắn bó, sẻ chia trong gia đình, dòng họ. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệmđể thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.  - Chuẩn bị bài sau: Mảnh sân sau. | - Lắng nghe thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

## Tiết 4: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**SINH HOẠT CHỦ ĐỀ: THẦY CÔ GIÁO CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng

- Kể được những kỉ niệm, việc đã làm cùng thầy cô giáo.

- Thể hiện được tình cảm, sự trân trọng đối với thầy cô giáo.

- Thực hiện được những lời nói, việc làm để duy trì và phát triển mối quan hệ với thầy cô giáo.

**-** Cókhả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp

**2. Phẩm chất:**

**-** Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: **-** Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

- Giấy, bút, bút màu,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động**  - GV mở cho học sinh nghe bài hát Bụi phấn:  <https://youtu.be/ym8ABxi9xEo>  - GV đặt câu hỏi: Bài hát đã gửi tới các em thông điệp gì?  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án: Bài hát đã ca ngợi công ơn của thầy giáo đối với các em học sinh và thể hiện lòng kính trọng của các em học sinh đối với thầy.  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: Bài hát mở đầu cho học mới của chúng ta. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – **Tuần 12 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Cảm xúc của em.**  **2. Khám phá**  **Hoạt động 1: Kể về những kỉ niệm, việc làm cùng thầy cô giáo**  - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp theo gợi ý:  + Tên các thầy cô giáo mà em đã học.  + Những kỉ niệm đáng nhớ của em với thầy cô giáo.  + Những việc em đã làm cùng thầy cô giáo.  + Cảm xúc của em khi cùng tham gia các hoạt động với thầy cô giáo.  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về những việc mình muốn thực hiện cùng thầy cô giáo. Các nhóm ghi lại kết quả thảo luận của nhóm mình ra giấy.  - GV mời đại diện các nhóm chia sẻ về kết quả thảo luận.    - GV tổng kết hoạt động và đưa kết luận: **Em và các bạn đã được tham gia rất nhiều hoạt động cùng thầy cô giáo. Mỗi hoạt động mà em cùng làm, cùng tham gia với thầy cô giáo đều rất ý nghĩa và để lại nhiều kỉ niệm. Em hãy luôn trân trọng và dành nhiều tình cảm để tri ân tới thầy cô giáo của em vì thầy cô giáo là người luôn yêu thương, dìu dắt và dạy dỗ em trên bước đường trưởng thành.**  **3. Luyện tập**  **Hoạt động 2: : Viết về thầy cô giáo**  - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân.  - GV nêu nhiệm vụ của hoạt động: HS viết về thầy cô giáo của mình. GV hướng dẫn cụ thể như sau:  + Xác định những điều em sẽ viết về thầy cô giáo: thông tin cá nhân, đặc điểm, sở thích của thầy cô giáo, những kỉ niệm với thầy cô giáo, những điều thầy cô giáo đã làm cho em;...  + Viết lời giới thiệu về thầy cô giáo.  + Sử dụng màu vẽ hoặc cắt dán trang trí để tạo sự sinh động cho bài viết.  - GV hướng dẫn HS làm việc cả lớp.  - GV tổ chức cho HS giới thiệu bài viết về thầy cô giáo của mình với các bạn. Có thể chia sẻ theo nhóm trước, rồi mời một số HS chia sẻ trước lớp.  - GV mời một số HS trình bày trước lớp.  - GV mời một số HS bày tỏ ý kiến về bài viết của bạn.    - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: **Thầy cô giáo là người đã dạy dỗ em từ lúc em chập chững bước vào trường học cho đến khi em trưởng thành. Trong cả một hành trình dài đó, thầy cô giáo đã dạy em rất nhiều bài học, chỉ bảo em những điều hay. Em hãy luôn ghi nhớ tình cảm của** **các thầy cô và dành thật nhiều sự tri ân tới các thầy cô giáo đã dạy dỗ mình.**  **3.Vận dụng**  **Hoạt động 3 : Hoạt động tiếp nối.**  - GV dặn dò HS:  + Thực hiện những lời nói và việc làm để bày tỏ lòng kính trọng, biết ơn thầy cô giáo.  + Sưu tầm những câu chuyện, cuốn sách viết về thầy cô giáo.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Trò chuyện với người thân về những khảo sát và đánh giá của nhóm em hoặc của các nhóm khác trong lớp về thực trạng cảnh quan của trường học. | - HS xem video bài hát.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS thảo luận nhóm.  - HS sẻ về kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS làm việc cả lớp.  - HS viết bài.  - HS giới thiệu bài viết về thầy cô giáo trước lớp.  - HS nhận xét, bày tỏ ý kiến về bài viết của bạn.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS vỗ tay tuyên dương những bạn làm tốt và động viên những bạn còn nhút nhát.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ năm, ngày 28 tháng 11 năm 2024**

Tiết 2: TOÁN

**Bài 35: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện được các bài tập áp dụng nhân một số với một tổng, nhân một số với một hiệu.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về nhân một số với một tổng, nhân một số với một hiệu vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực.**

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học: Thông qua việc biết vận dụng các tính chất của phép nhân để giải quyết vấn đề,

- Năng lực giao tiếp toán học: Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toám học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy (Bảng nhóm BT2).

- Học sinh:Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi: “Hộp quà bí mật ” để khởi động bài học: Hs chọn một hộp quà và thực hiện theo yêu cầu  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong trò chơi vừa rồi các em đã được ôn tập về tính chất của phép nhân và phép cộng Bài học hôm nay cô cùng các con luyện tập các bài tập về tính chất phép nhân và phép cộng: Bài 35: Luyện tập trang 83 | - HS tham gia trò chơi: “Hộp quà bí mật”.  - Lớp lắng nghe, ghi đầu bài |
| **2. Luyện tập:**  **Bài 1.** Tính. (Làm việc cá nhân, nhóm)  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  ? Nêu cách thực hiện tính?  - GV lưu ý HS phép nhân một số với một tổng  a) Tính và so sánh giá trị hai biểu thức sau:  5 x (4 + 3) và 5 x 4 + 5 x 3  + Biểu thức trên ta thấy có mấy phép tính?  + Để so sánh được hai phép tính này ta phải làm gì?  -GV cho hs làm bài và nêu kết quả.  b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh hoạ trong nhóm đôi  c) Tính:   |  |  | | --- | --- | | 32 x (200 + 3) | (125 + 9) x 8 |   -GV mời các nhóm thực hiện bài theo nhóm đôi.    - GV mời một số nhóm chia sẻ kết quả thảo luận và cách thực hiện bài tập 1.  - GV kết luận và tuyên dương.  - GV kết luận  + Khi nhân một số với một tổng ta làm thế nào?  + Khi nhân một tổng với một số ta làm thế nào?  **Bài 2.** (Làm việc cá nhân)  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  ? Nêu cách thực hiện tính?  - GV lưu ý HS phép nhân một số với một hiệu  a) Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức sau  6 x (7- 5) và 6 x 7 – 6 x 5  b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh hoạ trong nhóm đôi  c) Tính:   |  |  | | --- | --- | | 28 x (7 -2 ) | (14 - 7) x 6 |   - GV mời một số hs chia sẻ kết quả thảo luận và cách thực hiện bài tập 2.  - GV kết luận và tuyên dương.  - GV kết luận  + Khi nhân một số với một hiệu ta làm thế nào?  + Khi nhân một hiệu với một số ta làm thế nào? | - 1-2 em nêu.  + HS nêu cách tính.  - HS lắng nghe.  -Hs lắng nghe và theo dõi giáo viên hướng dẫn,  + Biểu thức trên có 2 phép tính  + Tính kết quả và so sánh kết quả của hai phép tính  -HS thực hiện phép tính ra nháp  a)  5 x (4 + 3) = 5 x 7 = 35  5 x 4 + 5 x 3 = 20 + 15 = 35  Hai biểu thức 5 x (4 + 3) và 5 x 4 + 5 x 3 bằng nhau.  -HS thực hiện theo yêu cầu  -HS lắng nghe và thực hiện bài 1a  b) Ví dụ:  4 x (6 + 7) = 4 x 6 + 4 x 7  = 24 + 28 = 52  (12 + 67) x 3 = 12 x 3 + 67 x 3  = 36 + 201 = 237  c)  32 x (200 + 3) = 32 x 200 + 32 x 3  = 6 400 + 96 = 6 496  (125 + 9) x 8 = 125 x 8 + 9 x 8  = 1 000 + 72 = 1 072  -Hs chia sẻ trước lớp cách làm bài tập 1  + Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng, rồi cộng các kết quả với nhau.  + Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả với nhau.  -Hs thực hiện và trả lời câu hỏi  -Hs làm bài  a) Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức sau: 6 x (7- 5) và 6 x 7 – 6 x 5  + 6 x (7 – 5) = 6 x 2  =12  + 6 x 7 – 6 x 5 = 42 – 30  = 12  + Giá trị của phép tính không thay đổi.  b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh hoạ trong nhóm đôi  + Hs thảo luận nội dung và lấy vd  Ví dụ minh họa:  5 x (20 – 4) = 5 x 20 – 5 x 4  = 100 – 20  = 80  (27 – 9) x 2 = 27 x 2 – 9 x 2  = 54 – 18  = 36  c) Tính:   |  |  | | --- | --- | | 28 x (7 -2) | (14 - 7) x 6 |   28 x (10 – 1) = 28 x 10 – 28 x 1                       = 280 – 28                       = 252  (100 – 1) x 36 = 100 x 36 – 1 x 36                          = 3 600 – 36                          = 3 564  -HS lắng nghe  + Khi nhân một số với một hiệu, ta có thể nhân số đó với số bị trừ và số trừ, rồi trừ hai kết quả cho nhau.  + Khi nhân một số với một hiệu, ta có  thể nhân số số bị trừ và số trừ với số đó, rồi trừ hai kết quả cho nhau |
| 1. **Vận dụng**   **Bài 3** Minh đã giúp bác Phú tính số viên gạch ốp tường bếp theo hai cách dưới đ GV cho hs đọc bài và trả lời câu hỏi. Để làm được bài toán này ta phải làm như thế nào?  + Hãy thảo luận về hai cách tính của bạn minh?  .    -GV nhận xét chữa bài  - Nhận xét tiết học. | -HS đọc bài  +Quan sát tranh để xác định cách bạn Minh tính số viên gạch  + Hai cách tính của bạn Mình đều đúng.  Cách 1: Bạn Mình đếm trong 1 cột có 5 vigạch màu cam và 3 viên gạch màu xanh và có tất cả 10 cột như thế. Vậy biểu thức tính là (5 + 3) x 10  Cách 2: Bạn Mình đếm mỗi hàng ngang có 4 viên gạch hoặc 6 viên gạch, có tất cả 8 hàng ngang như thế.  Vậy biểu thức tính là (4 + 6) x 8 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: TIẾNG VIỆT

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TÍNH TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết tính từ trong câu. Hiểu được tác dụng của tính từ.

- Biết sử dụng tính từ để miêu tả sự vật, hoạt động, trạng thái, viết những câu văn đúng và hay.

**2. Năng lực văn học:**

- Vận dụng được kiến thức đã học về tính từ để viết những câu văn miêu tả.

**3. Bồi dưỡng phẩm chất:**

**-** Chăm học:Tích cực tìm hiểu bài học, hoàn thành các bài tập theo yêu cầu.

- Trách nhiệm: Có ý thực lựa chọn sử dụng từ ngữ để tả cây cối/đồ vật/ con vật một cách sinh động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bảng nhóm, ti vi

- HS: Vở BT, bút, bảng con, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Tổ chức cho HS vận động theo nhạc bài  A Ram sam sam kết hợp chuyền bóng.  - KTBC:  - Đặt câu có sử dụng từ bổ sung ý nghĩa cho động từ.  - Đặt câu và chỉ ra động từ trong câu.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Dẫn dắt vào bài mới. | - HS hát chuyền bóng  - 2 HS nhận được bóng thực hiện yêu cầu  - Lớp làm bảng con – trình bày  - Lớp nhận xét, đánh giá  - HS nhắc lại các từ loại đã học. |
| **2. Khám phá**  **a. Phần Nhận xét:**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc bài tập 1  - Hướng dẫn xác định yêu cầu bài.  - Tổ chức cho HS làm bài trên phiếu bài tập   |  |  | | --- | --- | | Từ in đậm | sự vật, hoạt động,... được miêu tả | |  |  |   - GV kết luận, chốt đáp án đúng.  **Bài 2: Xếp các từ in đậm ở BT1 vào nhóm thích hợp.**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Tổ chức cho HS làm bài theo nhóm đôi  - GV kết luận:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | chỉ hình dáng | chỉ màu sắc | chỉ tính chất | | nhỏ, rộng | đen bóng | cũ, mát dịu, tít mù, to, lả tả, vừa vừa |   **b. Rút ra bài học:**  - GV đặt câu hỏi: Những từ chỉ hình dáng, màu sắc, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái gọi là gì?  - GV chốt: Những từ chỉ hình dáng, màu sắc, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái gọi là tính từ. | - 1 HS đọc - lớp đọc thầm bài  - 2 HS nêu yêu cầu bài tập  - Nêu các từ in đậm có trong bài  - HS làm việc cá nhân ( Phiếu bài tập)  - HS chia sẻ nhóm đôi.  - Đại diện trình bày kết quả trước lớp – nhận xét, bổ sung.  - 1 HS đọc to – lớp đọc thầm  - HS làm việc cá nhân, chia sẻ nhóm đôi  - Đại diện 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp – nhận xét, bổ sung  - Lắng nghe, nhắc lại  - HS thi đua trả lời theo ý hiểu  - 2 HS nhắc lại bài học – lớp đọc thầm ghi nhớ.  - HS lấy VD về tính từ |
| **3.Luyện tập, thực hành**  **Bài 1: Tìm tính từ trong hai khổ thơ.**  **-** Tổ chức cho hs làm bài tập vào VBT  - Tổ chức trò chơi “ Gọi tên” trình bày kết quả  - Kết luận đáp án đúng:  trong veo, vui, nhiều, tròn, chan chứa  Hỏi: Tính từ là những từ như thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 2: Đặt câu**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - GV giúp học sinh nắm yêu cầu của bài tập  - Tổ chức cho HS làm bài.  - Yêu cầu HS tự viết lại câu vừa đặt vào vở.  - Nhận xét, khen/ động viên. | - 1 HS đọc hai khổ thơ – lớp đọc thầm  - HS làm việc cá nhân VBT ( gạch chân tính từ)  - HS tham gia trò chơi – trình bày kết quả  - Lớp nhận xét, bổ sung.  - HS nhắc lại  -1 HS đọc yêu cầu  - Làm việc theo nhóm 4 ( Khăn trải bàn)  - Các nhóm trình bày, nhận xét bổ sung hoàn chỉnh.  - HS làm bài vào vở ( cá nhân)  Ví dụ:  + Con mèo nhà em rất tinh nghịch.  +Nhà em vừa xây còn mới tinh.  - HS tự viết câu vào vở.  - Đọc câu văn của mình trước lớp. |
| **4. Vận dụng**  - Trò chơi: Bắn tên  Dùng tính từ để nói về một sự vật nào đó.  Ví dụ:  - Em hãy dùng 1 tính từ để nói về một người bạn thân của em (chiếc bút, đôi giày,....)  - GV nhận xét, tuyên dương  **-** Nhận xét tiết học  - Dặn dò: Chuẩn bị bài sau: Luyện tập về tính từ. | - HS tham gia trò chơi + nêu tính từ theo yêu cầu của quản trò.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4: CÔNG NGHỆ

**Bài 6: TRỒNG VÀ CHĂM SÓC HOA TRONG CHẬU (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận thức công nghệ: Mô tả được các công việc chủ yếu để chăm sóc một số loại hoa phổ biến.

- Năng lực giao tiếp công nghệ: Giới thiệu được sản phẩm chậu hoa do mình trồng và chăm sóc.

- Năng lực sử dụng công nghệ:

+ Sử dụng được một số dụng cụ trồng hoa đơn giản.

+ Trồng và chăm sóc được một số loại hoa trong chậu.

- Năng lực đánh giá công nghệ: Nhận xét được sản phẩm chậu hoa theo các tiêu chí đánh giá.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự trồng và chăm sóc được một số loại hoa trong chậu.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trồng và chăm sóc được một số loại hoa trang trí cảnh quan cho gia đình.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có hứng thú với việc trồng, chăm sóc và bảo vệ hoa, cây cảnh.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích hoa và cây cảnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Vòng quay may mắn” để khởi động bài học.  + GV giới tiệu luận chơi: 1 bạn lên tham gia chơi, bấm vào ô bắt đầu quay. Khi vòng quay dừng, kim chỉ vào ô nào trả lời câu hỏi trong ô đó. Trả lời đúng sẽ được tuyên dương.  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi.  - HS chia sẻ những suy nghĩ của mình qua trả lời câu hỏi.  **Câu 1:** Hãy kể tên các vật liệu để trồng cây?  **Câu 2:** Cách chăm sóc cây trong chậu?  **Câu 3:** Nêu cách cắt tỉa cây?  ........  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động khám phá***:* | | |
| **Hoạt động 3: Các thao tác chăm sóc hoa cúc chuồn trong chậu. (sinh hoạt nhóm 2 )**  **-** GV đề nghị HS quan sát hình và đọc thông tin trong hình ở Mục “ cung cấp ánh sáng” trang 28 SGK và trả lời câu hỏi.    - Nói lại đoạn hội thoại của hai bạn trong tranh.  - Vì sao cần cung cấp đầy đủ ánh sáng cho hoa?  \* Vậy ánh sáng có ý nghĩa như thế nào đối với cây trồng ?  **-** Ngoài ánh sáng thì còn có rất nhiều các điều kiện để cây phát triển, chúng ta cùng tìm hiểu thêm ở Mục “ tưới nước” trang 28 SGK và trả lời câu hỏi.    - GV cho HS chơi trò chơi sắm vai ( Từng cặp quan sát và phân vai )  - GV tổng hợp nhận xét  - Dùng dụng cụ nào để tưới nước? Nên tưới nước như thế nào cho hợp lý?  - Vì sao nên tưới nước nhẹ nhàng cho cây hoa?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Tiếp theo GV đề nghị HS quan sát hình và đọc thông tin trong hình ở Mục “ bón phân ” trang 29 SGK và mô tả công việc bón phân cho cây hoa cúc chuồn trong chậu. ( Nhóm 4 )    - Vì sao không nên bón phân sát gốc cây?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV đề nghị HS quan sát hình và đọc thông tin trong hình ở Mục “ cắt tỉa ” trang 29 SGK và mô tả công việc cắt tỉa cho cây hoa cúc chuồn trong chậu.    - Cắt tỉa cây hoa cúc chuồn có tác dụng gì?  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Lưu ý:** Muốn cho cây ra nhiều nhánh thì cần bấm ngọn nhánh, chỉ để lại 2 – 3 đôi lá gần gốc nhánh. Những hoa bắt đầu tàn, lá bắt đầu vàng úa cần được tỉa bỏ càng sớm càng tốt.  - GV đề nghị HS quan sát hình và đọc thông tin trong hình ở Mục “ bắt sâu ” trang 30 SGK và mô tả công việc bắt sâu cho cây hoa cúc chuồn trong chậu.    **\* Lưu ý:** Nên bắt sâu cho cây nếu xuất hiện sâu gây hại cây: Không nên sử dụng thuốc trừ sâu gây nguy hiểm cho con người, động vật và môi trường. | - HS quan sát, đọc thông tin trong hình và trả lời câu hỏi:  - 2 – 3 cặp HS  - Cần cung cấp đầy đủ ánh sáng để cây phát triển khoẻ mạnh.  - HS trả lời theo suy nghĩ.  - HS quan sát, đọc thông tin trong hình và trả lời câu hỏi.  - Tham gia chơi, lắng nghe, nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS suy nghĩ trả lời.  - Nên tưới nước nhẹ nhàng cho cây hoa để tránh làm hoa nhanh tàn, nhanh rụng.  - HS quan sát, đọc thông tin trong hình và trả lời câu hỏi.  - Các nhóm báo cáo.  - Bón phân sát gốc cây dễ làm thối rễ do nồng độ muối cao.  - HS quan sát, đọc thông tin trong hình và trả lời câu hỏi.  - Các nhóm báo cáo.  - Cắt tỉa cây hoa cúc chuồn có tác dụng kích thích gây ra nhiều nhánh, nhiều hoa, dáng cây đẹp, cây khoẻ.  - HS quan sát, đọc thông tin trong hình và mô tả công việc. | |
| **3. Hoạt động luyện tập.** | | |
| **Hoạt động 4: Trồng và chăm sóc cây hoa cúc chuồn trong chậu. (sinh hoạt nhóm 4 )**  - GV yêu cầu HS cùng bạn trồng và chăm sóc cây hoa cúc chuồn trong chậu. GV nêu yêu cầu Sản phẩm cần đạt ở trang 30 SGK.    - GV hướng dẫn HS chuẩn bị vật liệu ( Hạt giống cây hoa cúc chuồn, giá thể, sỏi dăm hoặc đá dăm), chậu, dụng cụ ( bình tưới cây, xẻng nhỏ, găng tay, kéo căt cành), hướng dẫn cách làm và cách đánh giá.  - Sau khi kết thúc thực hành GV yêu cầu HS vệ sinh sạch sẽ khu vực thực hành và cất dụng cụ đúng nơi quy định  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | | - 1 HS đọc yêu cầu đề bài.  - HS cùng nhau thảo luận và đưa ra ý kiến của mình về việc cần làm gì để chăm sóc hoa và cây cảnh.  + Tưới nước đủ ẩm cho cây.  + Tỉa cành, ngắt bỏ lá già, lá bị sâu bệnh.  + Bắt sâu, bón phân  + Không ngắt hoa, bẻ cành.  + Xới đất tơi xốp cho hoa và cây.  (Nếu hoa và cây cảnh bị bệnh, báo với người thân, thầy cô để tìm cách phòng ngừa,...)  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV mời HS cam kết về nhà cùng với người thân tham gia chăm sóc hoa và cây cảnh ở nhà. Báo cáo cho thày, cô biết kết quả  - GV nhận xét tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy.  - Dặn dò về nhà. | | - Học sinh cam kết thực hiện và có báo cáo kết quả cho thầy, cô.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** | | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Buổi chiều:**

Tiết 1: TOÁN

**Bài 36: NHÂN MỘT SỐ VỚI 10, 100, 1000 – Trang 84**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kién thức, kĩ năng:**

- Biết cách thực hiện phép nhân với số tự nhiên với 10, 100, 1000

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng để tính nhanh, tính nhẩm khi nhân một số với 10, 100, 1000... vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực.**

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Thông qua việc HS biết vận dụng phép nhân một số TN với 10, 100, 1000,…để giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp toán học; Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Phiếu BT1. Bảng con BT3

- Học sinh: Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”. Một bạn đặt phép tính một bạn ghi kết quả.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Để thực hiện cách tính thuận tiện và tính nhanh ngoài những tính chất mà chúng ta đã học hôm nay cô trò chúng ta học sang một dạng bài mới là bài Bài 36: Nhân một số với 10, 100, 1000 | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 30 x 4 = 120  + Trả lời: 400 x 3 = 1200  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá;**  - GV giới thiệu phép nhân.  47 x 10 = ?  + GV cho hs quan sát phép tính và thực hiện làm bài tập vào nháp  -Nhận xét  + Gv cho hs thực hiện phép tính tương tự như ý a.  47 x 100  - GV chốt lại cách tính: Khi nhân số tự nhiên với 10,100,1000,... ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 00 vào bên phải số đó.  + Vậy khi nhân một số với 10, 100, 1000 ta làm như thế nào? | - Hs thảo luận các làm bài  - HS thảo luận và làm bài:  - HS chia sẻ cách làm bài áp dụng tính chất giao hoán của phép nhân.  Nhẩm 1 chục x 47 = 47 chục = 470  Vậy 47 x 10 = 470.  + Khi nhân một số với 10 ta chỉ việc thêm chữ số 0 vào bên phải chữ số đó.  - HS thực hiện phép tính  47 x 100 = 100 x 47  Nhẩm 1 trăm x 47 = 47 trăm = 4700  Vậy 47 x 100 = 4700.  + Khi nhân một số với 100 ta chỉ việc thêm hai chữ số 0 vào bên phải chữ số đó  - HS lắng nghe, nhắc lại  + Khi nhân số tự nhiên với 10,100,  1000 ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó. |
| 1. **Luyện tập**   **Bài 1.** Tính nhẩm (Làm việc cá nhân trên phiếu bài tập)  -GV hướng dẫn học sinh làm bài   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 5 x 10  5 x 100  5 x 1 000 | 32 x 10  32 x 100  32 x 1 000 | 183 x 10  183 x 100  183 x 1 000 | 307 x 10  560 x 100  105 x 1 000 |   -GV gọi hs chia sẻ kết quả bài tập và chia sẻ cách làm của mình với bạn  -GV nhận xét: Trong bài tập 1 ta áp dụng kiến thức như thế nào để thực hiện?  **Bài 2:** Vận dụng tính chất của phép tính nhân để tính nhẩm (theo mẫu)  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn mẫu  Mẫu 3 x 40 = 3 x 4 x10 = 12 x 10 = 120  -GV cho hs làm bài theo nhóm đôi vào vở   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 3 x 50  3 x 200  3 x 4 000 | 2 x 80  4 x 300  3 x 7 000 | 9 x 70  5 x 300  6 x 2 000 |   -GV mời các nhóm chia sẻ cách làm của mình  -GV chốt kiến thức: cô đồng tình với ý kiến của bạn. Nhân số tự nhiên với 10,100,1000  ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  **Bài 3:** Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm:  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn hs tìm hiểu bài.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 20 x 70  40 x 40 | 300 x 40  600 x 30 | 2 000 x 30  3 000 x 60 |   -GV chữa bài, chốt kiến thức áp dụng trong bài.  **Bài 4:** Một cửa hàng xếp các cuốn sổ ghi chép vào trong các thùng, mỗi thùng chứa 1 000 cuốn sổ. Hỏi 43 thùng như vậy chứa được tất cả bao nhiêu cuốn sổ ghi chép?  - GV gọi học sinh đọc yêu cầu của bài.  - GV hướng dẫn học sinh làm bài.  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Để làm được bài toán này ta hải làm như thế nào?  -GV cho hs làm bài vào vở  -GV mới học sinh chia sẻ kết quả và cách làm  -GV nhận xét chốt lại kết quả đúng. | -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe. Hs làm bài vào phiếu bài tập   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 5 x 10 = 50  5 x 100 = 500  5 x 1 000= 5000 | 32 x 10= 320  32 x 100 = 3200  32 x 1 000 = 32000 | | | | 183 x 10 = 1830  183 x 100 = 18300  183 x 1 000 = 183000 | | 307 x 10 = 3070  560 x 100 = 56000  105 x 1.000 =105000 |   -Hs chia sẻ kết quả và cách làm bài  + Nhân số tự nhiên với 10,100,1000  ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  -HS đọc yêu cầu của bài  -Lắng nghe hs hướng dẫn mẫu  -HS làm bài theo nhóm  3 x 50 = 3 x 5 x 10 = 15 x 10 = 150  3 x 200 = 3 x 2 x 100 = 6 x 100 = 600  3 x 4 000 = 3 x 4 x 1000 = 12 x1000=12 000  2 x 80 = 2 x 8 x 10 = 16 x 10 =160  4 x 300 = 4 x 3 x 100= 12 x 100=1 200  3 x 7 000 = 3 x 7 x 1000= 21x 1000= 21 000  9 x 70 = 9 x 7 x 10 = 63 x 10 = 630  5 x 300 = 5 x 3 x 100= 15 x 100= 1 500  6 x 2 000 =6 x 2 x 1000= 12 x 1000= 12 000  -HS chia sẻ:  + Nhân số tự nhiên với 10,100,1000  ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  - Lắng nghe  -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.  -Hs làm bài  20 x 70 = 1 400  40 x 40 = 1 600  300 x 40 = 12 000  600 x 30 = 18 000  2 000 x 30 = 60 000  3 000 x 60 = 180 000  -HS đọc bài  -Lắng nghe  + Mỗi thùng chứa 1 000 cuốn sổ  +Hỏi 43 thùng như vậy chứa được tất cả bao nhiêu cuốn sổ ghi chép  + Ta lấy số sổ ở 1 thừng nhân với số thùng.  -HS làm bài  **Bài giải:**  43 thùng chứa được tất cả số cuốn sổ ghi chép là:  1 000 x 43 = 43 000 (cuốn)  Đáp số: 43 000 cuốn sổ ghi chép  -HS chia sẻ trước lớp |
| **4.Vận dụng**  **Bài 5:**  Trò chơi tính nhẩm  **-** GV tổ chức cho HS thi giải nhanh tính đúng bài toán  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau**.** | - HS thi đua giải nhanh, tính đúng bài toán.  - HS trình bày.  23 x 100 = 2 300, 12 x 10 = 120  826 x 100 = 82 600  95 x 1 000 = 95 000  - Cả lớp nhận xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**:

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

**BÀI 4: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**(tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- NL nhận thức khoa học lịch sử và địa lý: Nêu được một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- NL tìm hiểu lịch sử và địa lý: Năng lực đọc hiểu và tự tìm kiếm được những thông tin về, hoạt động sản xuất của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- NL vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học**:** Từ những nguồn tư liệu, nêu được nhận xét về đặc điểm, ý nghĩa của các nét văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đối với dân tộc đó nói riêng và đối với đất nước nói chung.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp hợp tác: thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trao đổi tích cực, có hiệu quả với thầy cô và bạn bè.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: khả năng giải quyết các nhiệm vụ học tập độc lập và theo nhóm; tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

- Video clip về cách khai thác tự nhiên (làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản) (nếu có).

- Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

- SHS, Vở bài tập Vở bài tập Lịch sử Địa lí 4, phần Lịch sử.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động**  - GV yêu cầu HS đọc phần Khởi động (SHS tr.19) và nêu câu hỏi: Nếu được đi du lịch đến vùng này, em mong muốn được chiêm ngưỡng cảnh vật và nét văn hóa nào nơi đây?  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: **Bài 4 – Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.**  **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Hoạt động sản xuất**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động làm ruộng bậc thang**  - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm) và nêu nhiệm vụ: Đọc thông tin và quan sát hình 2 (SHS tr.21), em hãy cho biết  + Ruộng bậc thang thường được làm ở đâu? Người dân làm ruộng bậc thang như thế nào?  + Người dân thường trồng cây gì trên ruộng bậc thang?    - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Ruộng bậc thang thường được làm ở sườn núi, sườn đồi có nguồn nước từ khe suối, có khả năng tạo mặt bằng, ít sỏi đá.  + Người dân làm ruộng bậc thang bằng cách san thành các mặt bằng ruộng nối tiếp nhau như bậc thang và làm bờ để giữ nước, chặn đất khỏi bị xói mòn.  + Người dân thường trồng lúa nước trên ruộng bậc thang.  **Hoạt động 3: Tìm hiểu về hoạt động xây dựng các công trình thủy điện**  - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm) và nêu nhiệm vụ: Đọc thông tin về cách thức xây dựng các công trình thủy điện (SHS tr.21), em hãy cho biết  + Nêu cách khai thác sức nước để sản xuất điện.  + Tìm và chỉ hai nhà máy thủy điện Hòa Bình và Sơn La trên hình 1 (SHS tr.15).  - GV gợi ý câu 2: Hai nhà máy thủy điện nằm trên sông Đà.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Nhà nước và nhân dân đắp đập, ngăn sông tạo thành hồ lớn và dừng sức nước chảy từ trên cao xuống để chạy tua – bin sản xuất điện.  + Nhà máy Thủy điện Hòa Bình và nhà máy Thủy điện Sơn La là hai nhà máy thủy điện lớn hàng đầu của nước ta và khu vực Đông Nam Á.  - GV mở rộng kiến thức:  + Nhà máy thủy điện Hòa Bình được xây dựng tại tỉnh Hòa Bình, trên dòng sông Đà, được khánh thành vào năm 1994; có công dụng: phòng chống lũ lụt, phát điện, cung cấp nước tưới tiêu, phục vụ giao thông vận tải.  Thủy điện Hòa Bình - Công trình kỳ vĩ của thế kỷ 20 - VnExpress  + Nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng tại tỉnh Sơn La, trên dòng sông Đà, được khánh thành vào năm 2012, là nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam.  Nhà máy thủy điện Sơn La  **Hoạt động 4: Tìm hiểu về hoạt động khai thác khoáng sản**  - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm) và nêu nhiệm vụ:  + Tìm và chỉ vị trí các mỏ: than đá, sắt, đồng, thiếc, a-pa-tit trên hình 1 (SHS tr.15).  + Khai thác khoáng sản ở mỏ lộ thiên khác với khai thác khoáng sản trong hầm lò như thế nào?  - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án:  + Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi có nhiều loại khoảng sản nhất nước ta, nhiều hơn cả là than, sắt, thiếc, a-pa-tít,…  + Các hình thức khai thác:  +Với mỏ lộ thiên: chỉ cần bóc đi lớp đất, đá bên trên là lấy được khoáng sản.  + Với khai thác khoáng sản trong hầm lò: phải đào hầm lò mới lấy được khoáng sản; rất vất vả và nguy hiểm, cần có biện pháp để bảo đảm an toàn cho công nhân.  **3. Luyện tập**  **Nhiệm vụ 1:**  - GV đọc câu hỏi:  Nhà máy thủy điện nào dưới đây là nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam hiện nay?  A. Nhà máy thủy điện Sơn La.  B. Nhà máy thủy điện Lai Châu.  C. Nhà máy thủy điện Hòa Bình.  D. Nhà máy thủy điện Na Hang.  - GV mời HS trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá và tuyên bố đội thắng cuộc.  - GV chốt đáp án:  **Nhiệm vụ 2. HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi**  - GV chia HS thành các nhóm (6HS/nhóm) và nêu câu hỏi  + Tại sao ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ lại phát triển các hoạt động sản xuất như: làm ruộng bâc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản?  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung câu trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức:  + Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển các hoạt động sản xuất như: làm ruộng bâc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản vì  +Địa hình nơi đây dốc nên khó khăn trong việc canh tác nhất là trồng lúa nước.  +Nơi đây cũng có nhiều con sống lớn, điều kiện tự nhiên thuận lợi để xây dựng các công trình thủy lợi.  +Khu vực này cùng nhiều tài nhiên khoáng sản nhất nước ta.  **4. Vận dụng**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát. | - HS đọc phần khởi động.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.  - HS thảo luận nhóm, thực hiện các nhiệm vụ được giao.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thảo luận theo nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thực hành theo nhóm.  - Các nhóm trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm bảng con  ĐA:A  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS tiếp thu, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: KHOA HỌC

**BÀI 11: SỰ TRUYỀN NHIỆT (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Về nhận thức khoa học tự nhiên: Giải thích được hoặc đưa ra cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản. Củng cố kiến thức về sự truyền nhiệt giữa các vật.

- Về tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh; Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ.

- Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; Giải thích, đưa ra cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản.

**2. Năng lực** **chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học từ đó khám phá được vật nóng hơn thì có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ thấp hơn.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tích cực vào các hoạt động khám phá tìm hiểu được vật nóng hơn thì có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ thấp hơn, cách sử dụng nhiệt kế để xác định nhiệt độ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động tìm hiểu, khám phá và chia sẻ cùng nhóm bạn về cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản và cách sử dụng nhiệt kế để xác định nhiệt độ.

**3. Phẩm chất**:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết chia sẻ lòng biết ơn khi được hướng dẫn về nội dung bài học.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ tìm hiểu, làm tốt các nhiệm vụ và trả lời vấn đề cô giao.

- Phẩm chất trách nhiệm: Học tập nghiêm túc, giữ trật tự, biết lắng nghe khi bạn trình bày nhóm và biết đưa ra nhận xét nhóm bạn và đưa ra được những cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản.

**II. ĐÒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: + Máy tính, máy chiếu.

+ Dụng cụ để HS làm được các thí nghiệm như ở hình 1, 4 SGK.

+ Tranh ảnh như trong SGK.

+ Bảng nhóm, bút dạ, bút chì hoặc phấn viết bảng.

- Học sinh**:** Vở, sách khoa học Một số nhiệt kế.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | |
| **1. Khởi động:**  - Trò chơi **Truyền điện**  **?** Nêu ví dụ về vật nóng lên hoặc lạnh đi.  - Nhận xét  \* Kết nối: Tìm hiểu về sự truyền nhiệt giữa các vật  - YC HS đọc thông tin  **2. Khám phá** | | - Các vật nóng lên: rót nước sôi vào cốc, khi cầm vào cốc ta thấy nóng; Múc canh nóng vào bát, ta thấy muôi, thìa, bát nóng lên; Cắm bàn là vào ổ điện, bàn là nóng lên, …  - Các vật lạnh đi: Để rau, củ quả vào tủ lạnh, lúc lấy ra thấy lạnh; Cho đá vào cốc, cốc lạnh đi; Chườm đá lên trán, trán lạnh đi, …   * - Đọc nội dung |
| **a.Sự truyền nhiệt giữa các vật**  **HĐ 3. Tìm hiểu sự truyền nhiệt giữa các vật**  - Để tìm hiểu cách làm vật nóng lên hoặc lạnh đi các em cùng thảo luận theo nhóm 8.  - YC HS đọc phiếu thảo luận    * - Dự đoán kết quả trước khi làm thí nghiệm. * - YC HS hoàn thành theo yêu cầu phiếu thảo luận, nhắc nhở HS chú ý khi rót nước nóng.   - Các nhóm trình bày kết quả thí nghiệm.  - Nhận xét, giải thích: Sau một thời gian đủ lâu, nhiệt độ của cốc và của chậu sẽ bằng nhau.  ? Vì sao khi bị nước nóng đổ vào tay, nhanh chóng đưa tay vào chậu nước nguội sạch hoặc dưới vòi nước chảy thì sẽ cảm thấy đỡ bỏng rát?  ? Vì sao túi sưởi có thể giúp làm ấm người?  - Nhận xét, bổ sung.  - Nhấn mạnh: Một vật nóng lên do nhận nhiệt nóng, lạnh đi vì nó truyền nhiệt (truyền nhiệt cho vật lạnh hơn). | | - HS trả lời dự đoán.  - Các nhóm làm thí nghiệm theo nhóm  \* Tiến hành:  + Dùng nhiệt kế đo nhiệt độ của nước trong chậu và trong cốc.  + Đeo găng tay để đặt cốc nước nóng vào trong chậu nước.  + Sau khoảng 5 phút, dùng nhiệt kế đo nhiệt độ của nước trong chậu và trong cốc, ghi lại kết quả đo.  **CH1.**Kết quả đo được cho thấy nhiệt độ của nước trong cốc giảm xuống và nước trong chậu tăng lên.  **CH2.** Kết quả này giống với dự đoán của em ngay từ lúc bắt đầu bài học.  **CH3.** Trong thí nghiệm trên, nhiệt truyền từ cốc nước nào sang nước trong chậu  - Khi bị nước nóng đổ vào tay, nhanh chóng đưa tay vào chậu nước nguội sạch hoặc dưới vòi nước chảy thì sẽ cảm thấy đỡ bỏng rát vì khi đó nước nguội sẽ làm giảm nhiệt độ ở vùng tay bị nước nóng đổ lên.  - Túi sưởi có thể giúp làm ấm người vì: nhiệt độ ấm từ túi sưởi truyền vào cơ thể nguòi làm người ấm lên. |
| **3. Luyện tập, vận dụng**  **HĐ 4: Đề xuất cách làm vật nóng lên hoặc nguội đi**  - Thảo luận nhóm đôi trao đổi về cách làm thức ăn nóng lên hoặc nguội đi.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Qua bài em nắm được điều gì?  - YC HS đọc nội dung.  - Nhận xét, dặn dò | | - Một số nhóm trình bày  + Một số cách làm cho thức ăn nóng lên: hâm thức ăn bằng lò vi sóng, đun thức ăn trên bếp lửa.  + Một số cách làm cho thức ăn nguội đi: Bỏ thức ăn ở nhiệt độ phòng hoặc để trước quạt hoặc bỏ vào tủ lạnh.  - HS trả lời  - 1-2 HS đọc. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ sáu, ngày 29 tháng 11 năm 2024**

Tiết 1: TIẾNG VIỆT

**BÀI VIẾT 2: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ:**

- Biết lựa chọn tìm ý phù hợp cho đoạn văn tưởng tượng đã chọn.

- Biết sắp xếp ý cho đoạn văn tưởng tượng.

**2. Năng lực văn học.**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết lựa chọn các ý để viết và có ý tưởng riêng về bài viết.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm và trao đổi tìm ý và sắp xếp lên ý tưởng bài viết.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khả năng sáng tạo phong phú về các nhân vật hư cấu.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Lạc quan, biết ước mơ (tưởng tượng) về tương lai tốt đẹp.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ thảo luận cùng bạn đưa ra những ý tưởng hay.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- GV: SGK, bài giảng Powerpoint hoặc bảng phụ viết đề và gợi ý viết đoạn văn, các thẻ giấy màu đề 1 và đề 2 theo yêu cầu chỉ định (hoặc các hình học vuông, tròn, tam giác,...), bảng phụ hoặc bảng A2.

- HS: SGK, VBT, vở Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV mở bài hát: “Em vẽ con tàu tương lai.”  - GV: Bài hát nói về điều gì?  - GV nhận xét – dẫn vào bài.  - GTB: Ở tiết học viết trước, các em đã học cách viết một đoạn văn tưởng tượng. Hôm nay các em sẽ luyện tập tìm ý, sắp xếp ý cho đoạn văn tưởng tượng theo 1 trong 2 đề trong SGK. | - HS lắng nghe và TLCH.  \* Dự kiến: Bài hát nói về một em bé vẽ con tàu lao tới các vì sao. Tàu mang bao tình thương mến con người, là điều em bé ước mơ và tưởng tượng vẽ nên. |
| **2. Khám phá**  **Hoạt động 1**: Phân tích và lựa chọn đề  - GV gọi 2 học sinh đọc nối tiếp 2 đề bài trong SGK. | - 2 HS đọc đề. |
| - GV gọi 2 học sinh đọc nối tiếp gợi ý về nội dung và gợi ý cách thực hiện đề bài trong SGK.  - GV hỏi:  + Đề 1 yêu cầu viết về điều gì?  + Đề 2 yêu cầu viết về điều gì? | - 2 HS đọc gợi ý  \* Dự kiến:  + Viết đoạn văn tưởng tượng về Vương quốc Tương Lai  + Viết đoạn tưởng tượng về một em bé ở Vương quốc Tương lai. |
| - GV hướng dẫn HS lựa chọn đề mình thích, sau đó đọc cá nhân lại vở kịch Ở Vương quốc Tương Lai và suy nghĩ cá nhân theo nội dung gợi ý. | - HS lựa chọn đề và đọc vở kịch và suy nghĩ cá nhân. |
| - GV phát thẻ giấy màu có cùng màu sẽ về một nhóm (giấy màu đã được nhận theo đề) | - HS nhận thẻ cùng màu sẽ ghép nhóm thảo luận. |
| - GV giao nhiệm vụ:  + Dựa vào những gợi ý về nội dung trong SGK, tưởng tượng về nhân vật hoặc sự vật, sự việc được nêu trong đề bài và trao đổi với bạn theo gợi ý. | - HS thực hiện thảo luận nhóm theo nhiệm vụ. |
| \* GV gợi ý:  - Xác định rõ yêu cầu đề bài.  - Sử dụng SGK tham khảo.  - Thể hiện ý tưởng theo sơ đồ tư duy dựa trên các gợi ý hoặc tưởng tượng thêm bám sát yê cầu đề (thể hiện câu từ ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu).  - GV quan sát theo dõi và hỗ trợ. | - HS lắng nghe và thực hiện theo nhóm viết vào bảng phụ hoặc bảng A2. |
| - GV gọi đại điện 1 – 2 nhóm trình bày ý tưởng của nhóm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét. | - HS đại diện trình bày.  - HS nhẫn xét.  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 2:** Sắp xếp ý  - GV hướng dẫn sắp xếp ý. (Lựa chọn và sắp xếp ý, lược bỏ các từ ngữ chưa phù hợp hoặc không cần thiết)  - GV theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS.  - GV mời đại diện một số HS trình bày bài trước lớp.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS. | - HS sắp xếp ý cá nhân theo hướng dẫn vào VBT.  - 1- 2 HS trình bày  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| GV hỏi:  + Đoạn văn tưởng tượng là gì? | \* Dự kiến:  + Đoạn văn tưởng tượng là kể về việc chưa xảy ra hoặc không có thật, do con người viết tưởng tượng ra. |
| + Câu mở đoạn có tác dụng gì?  **3.Vận dụng** | + Câu mở thường có tác dụng giới thiệu về sự việc tưởng tượng. |
| - GV nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.  - Chuẩn bị bài sau: Bài viết 3: Luyện tập viết đoạn văn tưởng tượng. | - HS lắng nghe.  - HS thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

## \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

## Tiết 2: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**SINH HOẠT LỚP: CÂU CHUYỆN VỀ THẦY, CÔ GIÁO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng

- Tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.

- Chia sẻ được các câu chuyện, cuốn sách viết về thầy cô giáo.

- Thể hiện lòng yêu quý, kính trọng, biết ơn thầy cô giáo.

**2. Phẩm chất:**

**-** Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: **-** Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

- Giấy, bút, bút màu, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động**  **2.Luyện tập**  **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 1 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 2.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Câu chuyện về thầy cô giáo.**  - GV tổ chức cho HS cùng đọc và giới thiệu về những câu chuyện, cuốn sách về thầy cô giáo mà mình đã sưu tầm được theo gợi ý:    + Kể tên câu chuyện, cuốn sách mình đã sưu tầm.  + Giới thiệu cốt truyện hoặc tóm tắt cuốn sách.  + Chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về nội dung câu chuyện, cuốn sách.  - GV mời HS nói lời tri ân và chúc mừng thầy cô giáo nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11.  - GV hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề Làm việc khoa học. HS hoàn thành Phiếu tự đánh giá sau chủ đề trong Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 4.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Em tự đánh giá kết quả học được từ chủ đề theo gợi ý | | | | Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Chưa hoàn thành | | - Thực hiện được nền nếp sinh hoạt, bước đầu hình thành thói quen tư duy khoa học. | | | | - Tự lực thực hiện được nhiệm vụ của mình theo sự phân công, hướng dẫn. | | | | - Thực hiện được những lời nói, việc làm để duy trì và phát triển mối quan hệ với thầy cô giáo. | | |   - GV kết luận: **Chúng ta đã thực hiện xong hoạt động Câu chuyện về thầy cô. Thông qua hoạt động, các em đã đọc những câu chuyện về thầy cô và nói lời tri ân thầy cô.**  **3. Vận dụng**  **Hoạt động 3: Hoạt động tiếp nối**  - GV hướng dẫn HS cùng người thân tổ chức đi thăm thầy cô giáo cũ. | Cả lớp hát bài về thầy cô giáo  - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS nói lời tri ân và chúc mừng thầy cô giáo nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11.  - HS hoàn thành Phiếu tự đánh giá sau chủ đề trong Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 4.  - HS lắng nghe, lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**